

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 02143 501 540 Fax: 02143 903 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung công bố thông tin:  
Công bố thông tin Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người Đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Ứng Hồng Vận

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

- Tên công ty:** Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2)
- Trụ sở chính:** số 64B Đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh** số 5300215527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 6/5/2004 (và đã đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08/9/2016);
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông:**

Bắt đầu từ 08h30' ngày 05/3/2020 tại Tầng 21 Tòa nhà VINACONEX, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**A. PHẦN THỨ NHẤT – KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông**

**1.1 Cổ đông và đại diện cổ đông tham dự**

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là **576** cổ đông là tổ chức và cá nhân, sở hữu và đại diện cho tổng số **49.993.960** cổ phần.

(danh sách cổ đông được mời tham dự đại hội theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 21/02/2020)

Đại hội đã nghe ông **Lã Hữu Nam** Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (đăng ký tại thời điểm khai mạc vào hồi 8h30) là **30** cổ đông, sở hữu hoặc đại diện cho **44.943.843** cổ phần, tương đương với **89,90%** tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2. Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua nội dung Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với kết quả như sau:

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham dự biểu quyết là **44.943.843** Cổ phần, chiếm **89,90%** trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành	<b>44.943.843</b>	Cổ phần	Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không-tán thành	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 đã đủ điều kiện để tiến hành. Các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện.

**2. Khai mạc đại hội**

Ông Nguyễn Đức Tiến Trưởng phòng TCHC thay mặt ban Tổ chức Đại hội tiến hành các thủ tục:



- Chào cờ, cử Quốc ca;
- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội;
- Giới thiệu các cổ đông, các khách mời tham dự;
- Giới thiệu danh sách Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký đại hội để các cổ đông thông qua;
- Mời Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký đại hội lên làm việc.

**2.1. Đại hội đã thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban thống kê biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 bao gồm:**

**2.1.1 Đoàn Chủ tịch:**

1. Ông Nguyễn Xuân Đông Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
2. Ông Nguyễn Tiến Hải Thành viên HĐQT - Thành viên đoàn chủ tịch
3. Ông Ứng Hồng Vận Tổng giám đốc Công ty - Thành viên đoàn chủ tịch

**2.1.2 Ban Thư ký:**

1. Ông Hà Văn An – Thư ký Công ty, TP KTĐT - Trưởng Ban thư ký
2. Bà Lại Thị Kim Huệ Người ủy quyền CBTT - Thành viên

**2.1.3. Ban thống kê biểu quyết:**

1. Ông Lã Hữu Nam Trưởng Ban
2. Ông Nguyễn Minh Hiếu Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Thành viên

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban thống kê biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 bằng hình thức giờ Thẻ biểu quyết với kết quả như sau:

**• Thông qua đoàn chủ tịch:**

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.943.843** Cổ phần, chiếm 89,9% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- |                              |                   |         |                                       |
|------------------------------|-------------------|---------|---------------------------------------|
| - Số cổ phần tán thành       | <b>44.943.843</b> | Cổ phần | Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội |
| - Số cổ phần không tán thành | 0                 | Cổ phần | chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội |
| - Số cổ phần không có ý kiến | 0                 | Cổ phần | chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội |

**• Thông qua Ban thư ký:**

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.943.843** Cổ phần, chiếm 89,9% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- |                              |                   |         |                                       |
|------------------------------|-------------------|---------|---------------------------------------|
| - Số cổ phần tán thành       | <b>44.943.843</b> | Cổ phần | Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội |
| - Số cổ phần không tán thành | 0                 | Cổ phần | chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội |
| - Số cổ phần không có ý kiến | 0                 | Cổ phần | chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội |

**• Thông qua Ban thống kê biểu quyết:**

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.943.843** Cổ phần, chiếm 89,9% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- |                              |                   |         |                                       |
|------------------------------|-------------------|---------|---------------------------------------|
| - Số cổ phần tán thành       | <b>44.943.843</b> | Cổ phần | Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội |
| - Số cổ phần không tán thành | 0                 | Cổ phần | chiếm 0,0% số cổ phần tham            |

thành		dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến	0	Cổ phần chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

### 3. Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Đức Tiến – Trưởng Phòng TCHC, trình bày Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung Quy chế làm việc của Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với kết quả như sau:

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành	<b>44.963.923</b>	Cổ phần	Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình đại hội theo đề xuất của HĐQT đã gửi tới các cổ đông kèm theo thư mời họp trước đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với kết quả như sau:

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành	<b>44.963.923</b>	Cổ phần	Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

### B. PHẦN THỨ HAI – CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Ứng Hồng Vận, Tổng giám đốc công ty trình bày các báo cáo số 132/2020/BC/TKKH ngày 24/02/2020 của Tổng giám đốc về báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020;
2. Ông Vũ Văn Mạnh Trưởng BKS trình bày các báo cáo:
  - Trình bày tóm tắt Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty đã được Kiểm toán;
  - Báo cáo của Ban Kiểm soát ngày 28/02/2020;
  - Tờ trình của Ban kiểm soát về việc thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty NEDI2;
3. Ông Nguyễn Xuân Đông, Chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo số 142/2020/BC-HĐQT ngày 28/2/2020 về Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty.
4. Ông Nguyễn Tiến Hải, thành viên HĐQT trình bày các báo cáo
  - Báo cáo việc chi trả tiền thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị - Ban kiểm soát Công ty năm 2019 và phương án chi trả năm 2020;
  - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức của Công ty năm 2019;

(Các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội nằm trong Bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã được công ty gửi cho từng cổ đông tham dự Đại hội và đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty).

021  
 NG T  
 AU TU  
 TRIE  
 EN B  
 CAI -



## C. PHẦN THỨ BA – THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

Kết thúc phần trình bày các báo cáo, tờ trình, Ông Nguyễn Xuân Đông Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa đại hội thay mặt đoàn chủ tịch điều hành chương trình thảo luận với các cổ đông.

### THẢO LUẬN

Đại hội đã nhất trí các báo cáo của Công ty trình bày tại Đại hội, ngoài ra còn một số ý kiến của cổ đông được trình bày chi tiết dưới đây:

#### 1. Ý kiến của Cổ đông: Tô Hồng Sơn

Trước tiên Cổ đông rất vui mừng vì Công ty đã nỗ lực hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ của ĐHCĐ giao mặc dù thời tiết - thủy văn năm 2019 khắc nghiệt, đặc biệt là quý 4/2019 không có mưa làm giảm lượng nước phát điện của Nhà máy. Công ty đã hoàn thành 100% chỉ tiêu chi trả cổ tức cho cổ đông.

**Câu hỏi 1:** Đề nghị Công ty làm rõ cho cổ đông các khoản chi phí của năm 2019 cụ thể như **chi phí thường xuyên tăng 3 tỷ đồng** và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 8 tỷ đồng so với năm 2018.

**Câu hỏi 2:** Về thù lao HĐQT tăng đột biến so với các năm trước. Đề nghị xem xét lại nội dung này tại báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS., theo quan điểm của Cổ đông là cao hơn so với mặt bằng các công ty cùng ngành nghề hiện nay.

Ý kiến về tài liệu cung cấp cho cổ đông: Thực trạng rất nhiều cổ đông không nhận được tài liệu được gửi từ Công ty thông qua chuyển phát nhanh. Đề nghị Công ty xem xét việc này để các cổ đông được nhận tài liệu do Công ty phát hành cho Cổ đông được kịp thời.

#### Phản trả lời của Đoàn chủ tịch cho ý kiến của Cổ đông Tô Hồng Sơn

Ông Ứng Hồng Vận, Tổng giám đốc xin cảm ơn các ý kiến đóng góp của Cổ đông và Công ty xin tiếp thu và hoàn chỉnh hơn trong công tác điều hành ngày càng chuyên nghiệp hơn, mang lại hiệu quả cao cho công ty và cổ đông.

**Trả lời câu hỏi 1:** Về chi phí thường xuyên của Công ty năm 2019 tăng 2,5 tỷ so với kế hoạch do năm 2019 Công ty tăng chi phí sửa chữa lớn (Đại tu) sau 5 năm vận hành của Tổ máy H1, TBA và chi phí vận hành đường dây, chi phí thị trường điện tăng.

Chi phí năm 2019 giảm 8 tỷ so với năm 2018: Việc giảm chi phí chủ yếu do việc chuyển đổi cơ chế Nhà nước sang cơ chế tư nhân với phương châm tiết giảm tối đa chi phí quản lý và vận hành phù hợp, đem lại lợi nhuận cao nhất cho cổ đông.

**Trả lời Câu hỏi thứ 2:** Ông Nguyễn Xuân Đông trả lời cổ đông: Cơ cấu HĐQT của NEDI2 có đến 4/5 thành viên và BKS là 3/3 thành viên của Cổ đông lớn TCT VINACONEX. Tiền thù lao của HĐQT và BKS do Công ty NEDI2 chi trả được chuyển trực tiếp về Tổng công ty VINACONEX, các thành viên điều hành được hưởng một phần, một phần được chi trả cho hoạt động của TCT theo quy chế nội bộ của Tổng công ty. Trong quá trình điều hành ngoài sự điều hành của các thành viên HĐQT, BKS Công ty thì có sự giúp đỡ của các phòng ban của Tổng công ty nên mức thù lao đề nghị chi trả cho HĐQT, BKS như đã đề xuất là phù hợp.

#### 2. Ý kiến của Cổ đông: Trịnh Thị Chinh

- **Ý kiến cổ đông:** Tình hình vay nợ của Ngân hàng: Đề nghị Công ty làm rõ khoản trả nợ của Ngân hàng BIDV và VDB trong năm 2019.
- **Phản trả lời của Tổng giám đốc:** Phần dư gốc vay của Ngân hàng BIDV không có kế hoạch trả nợ trong năm 2020 do Công ty đã trả nợ trước hạn đến quý 3/2021. Phần dư gốc vay của VDB được trả theo định kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ của Hợp đồng tín dụng
- **Ý kiến của Cổ đông:** Tình hình đời sống của CBCNV sau khi tái cơ cấu cụ thể như



**Phản trả lời của Đoàn chủ tịch:** Cơ bản sau chuyển đổi mô hình quản lý từ Nhà nước sang tư nhân Công ty cũng mất một thời gian để ổn định, đến nay sau một năm hoạt động cơ bản công ty đã đi vào hoạt động tốt hơn, cán bộ công nhân viên đã vững tâm, đoàn kết cùng lãnh đạo công ty xây dựng NEDI2 ngày càng vững mạnh.

### 3. Ý kiến cổ đông: Lại Đắc Kiên

Về các nội dung ý kiến đóng góp của Cổ đông Lại Đắc Kiên, Chủ tọa đại hội đã trả lời thấu đáo tại cuộc họp và cổ đông không có ý kiến gì thêm.

Riêng nội dung Tổng công ty VINACONEX có kế hoạch thoái vốn tại NEDI2 trong tương lai không? Ông Nguyễn Xuân Đông Chủ tọa đại hội trả lời Cổ đông rằng: Tôi là Tổng giám đốc Tổng công ty VINACONEX, là đại diện quản lý vốn của Tổng công ty tại NEDI2 nên không quyết định được kế hoạch của Tổng công ty có thoái vốn hay không tại NEDI2. Vấn đề này thuộc thẩm quyền của Cổ đông VINACONEX. Khi có thông tin chính thức về vấn đề này sẽ được thông báo đến cổ đông theo quy định.

### 4. Về nội dung cung cấp tài liệu của Công ty đến các cổ đông chưa được tốt, còn nhiều cổ đông không nhận được tài liệu (ý kiến của Cổ đông Tô Hồng Sơn và Cổ đông Trịnh Thị Chinh).

Về nội dung này Công ty xin tiếp thu ý kiến của Cổ đông và sẽ thực hiện ngay công tác kiện toàn lại công tác gửi tài liệu đảm bảo các cổ đông nhận được tài liệu sớm nhất phù hợp với quy định hiện hành.

## D. PHẦN THỨ TƯ: BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Thông qua báo cáo số 132/2020/BC-TCKH ngày 24/02/2020 của Tổng giám đốc về báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020.

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành	<b>44.963.923</b>	Cổ phần	Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

2. Thông qua báo cáo số 142/2020/BC-HĐQT ngày 28/2/2020 về Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành	<b>44.963.923</b>	Cổ phần	Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

3. Thông qua tờ trình số 146A/2020/BC-TCKH ngày 02/03/2020 về Báo cáo tài chính của công ty đã được kiểm toán năm 2019 bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành	<b>44.963.923</b>	Cổ phần	Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến	0	Cổ phần	chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

552  
CP  
VÀ  
DIỆ  
10 2  
T. L. M.



#### 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành **44.963.923** Cổ phần Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành 0 Cổ phần Chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến 0 Cổ phần Chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

#### 5. Thông qua Báo cáo số 145A/2020/BC-HĐQT ngày 02/03/2020 về chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc không chuyên trách của các thành viên HĐQT, BKS năm 2019.

##### 5.1 Thực hiện năm 2019

- Chủ tịch HĐQT: 50.000.000 đ/tháng
- Thành viên HĐQT: 35.000.000 đ/người/tháng
- Trưởng ban kiểm soát: 35.000.000 đ/tháng
- Thành viên BKS: 15.000.000 đ/người/tháng

##### a. Tổng cộng mức chi đối với thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách:

STT	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	600.000.000
2	Thành viên HĐQT	03	1.597.741.935 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/3/2020 có 03 thành viên HĐQT)
3	Trưởng ban kiểm soát	01	420.000.000
4	Thành viên ban kiểm soát	02	360.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>07</b>	<b>2.977.741.935</b>

##### 5.2 Phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020

Trọng trường hợp kết thúc năm tài chính 2020 kết quả SXKD của Công ty có lãi. ĐHCĐ thông qua Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2020 cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 50.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 35.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS : 35.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 15.000.000 đồng/người/tháng

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành **44.944.843** Cổ phần Chiếm 99,96% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành 0 Cổ phần Chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến 19.080 Cổ phần Chiếm 0,04% số cổ phần tham dự đại hội

#### 6. Đại hội Đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định lựa chọn một trong

**04 đơn vị kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán sau đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:**

- 1./ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- 2./ Công ty TNHH KPMG;
- 3./ Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- 4./ Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành **44.963.923** Cổ phần Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành 0 Cổ phần Chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến 0 Cổ phần Chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội

**7. Thông qua tờ trình số 145/2020/TTr-HĐQT ngày 02/03/2020 phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức Công ty năm 2018 cụ thể như sau:**

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nguồn chi</b>	<b>173.452.191.909</b>	
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 chuyển sang	74.849.012.374	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	98.603.179.535	
<b>II</b>	<b>Các khoản chi</b>	<b>103.965.661.935</b>	
1	Chi cổ tức 20% cho các cổ đông theo đúng KHSXKD 2019 đã được ĐHCĐ 2019 thông qua	99.987.920.000	
	<i>Trong đó:</i>		
	- Đã tạm ứng 10% trong tháng 02/2020	49.993.960.000	
	- Còn phải chi trả 10% trong tháng 8/2020	49.993.960.000	
2	Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách	2.977.741.935	
3	Trích quỹ phúc lợi Công ty	500.000.000	
4	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành	500.000.000	
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối còn lại</b>	<b>69.486.529.974</b>	

Tổng số cổ phần của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia biểu quyết là **44.963.923** Cổ phần, chiếm 89,94% trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần tán thành **44.963.923** Cổ phần Chiếm 100% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần không có ý kiến 0 Cổ phần chiếm 0,0% số cổ phần tham dự đại hội





Biên bản này được Thư ký đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực, đã được đọc và thông qua trước Đại hội.

Biên bản này được lập hoàn thành vào hồi 11h30 phút ngày 05/03/2020, gồm 8 trang và được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**Thư ký Đại hội**



**HÀ VĂN AN**

**Chủ tọa Đại hội**



**NGUYỄN XUÂN ĐÔNG**



**LẠI THỊ KIM HUỆ**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông công ty;
- UBCK Nhà nước (CBTT);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (CBTT);
- Webside công ty (đăng tin);
- Lưu TCHC; Thư ký công ty.

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2);
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) số 02/2020/BB-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2020.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Thông qua các báo cáo tại đại hội gồm:**

1. Thông qua báo cáo số 132/2020/BC/TCKH ngày 24/02/2020 của Tổng giám đốc về báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	358,10	349,07	394,31
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	114,48	98,60	132,00
3	Cổ tức	Tỷ đồng	20%	20%	20%

2. Thông qua tờ trình số 146A/2020/BC-TCKH ngày 02/03/2020 về Báo cáo tài chính của công ty đã được kiểm toán năm 2019 bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Thông qua báo cáo số 142/2020/BC-HĐQT ngày 28/2/2020 về Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty;
4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 ngày 28/02/2020.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo về chế độ phụ cấp trách nhiệm của các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2019 và phương án chi trả năm 2020.**

**2.1 Thực hiện năm 2019**

- Chủ tịch HĐQT: 50.000.000 đ/tháng
- Thành viên HĐQT: 35.000.000 đ/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 35.000.000 đ/tháng





- Thành viên BKS: 15.000.000 đ/người/tháng

**a. Tổng cộng mức chi đối với thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách:**

STT	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	600.000.000
2	Thành viên HĐQT	03	1.597.741.935 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/3/2020 có 03 thành viên HĐQT)
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	420.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	02	360.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>07</b>	<b>2.977.741.935</b>

**2.2 Phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020**

Trong trường hợp kết thúc năm tài chính 2020 kết quả SXKD của Công ty có lãi. ĐHĐCĐ thông qua Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2020 cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 50.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 35.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS : 35.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 15.000.000 đồng/người/tháng

**Điều 3.** ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định lựa chọn một trong 04 đơn vị kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán sau đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH KPMG;
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
4. Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

**Điều 4.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức Công ty năm 2019 cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nguồn chi</b>	<b>173.452.191.909</b>	
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 chuyển sang	74.849.012.374	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	98.603.179.535	
<b>II</b>	<b>Các khoản chi</b>	<b>103.965.661.935</b>	
1	Chi cổ tức 20% cho các cổ đông theo đúng KHSXKD 2019 đã được ĐHĐCĐ 2019 thông qua	99.987.920.000	
	Trong đó:		
	- Đã tạm ứng 10% trong tháng 02/2020	49.993.960.000	
	- Còn phải chi trả 10% trong tháng 8/2020	49.993.960.000	

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
2	Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách	2.977.741.935	
3	Trích quỹ phúc lợi Công ty	500.000.000	
4	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành	500.000.000	
III	<b>Lợi nhuận chưa phân phối còn lại</b>	<b>69.486.529.974</b>	

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 05/03/2020;

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của Cổ đông, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông công ty;
- UBCK Nhà nước (CBTT);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (CBTT);
- Website công ty (đăng tin);
- Thư ký công ty;
- TCHC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Nguyễn Xuân Đông**





## BÁO CÁO

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

- Kính thưa:**
- Chủ tịch HĐQT Công ty NEDI2;
  - Các thành viên HĐQT Cty NEDI2 là đại diện cho các cổ đông lớn;
  - Các vị khách quý; Đại diện các ngân hàng tài trợ vốn;
  - Các quý cổ đông Công ty;

Kính thưa toàn thể Đại hội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI2) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với nội dung cụ thể như sau:

#### A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019.

##### I. Hoạt động sản xuất và vận hành của nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

##### 1. Điều kiện thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

Cùng chung tình trạng cả nước, điều kiện thủy văn năm 2019 không thuận lợi, nắng nóng, khô hạn trên diện rộng và kéo dài; lưu lượng nước về hồ Ngòi Phát rất thấp so với trung bình nhiều năm đặc biệt Quý 4/2019 lượng mưa giảm đột ngột, không có mưa, không có lũ lớn như các năm 2016, 2017, 2018. Bảng so sánh giờ tràn hồ các năm:

Stt	Năm	Số giờ tràn hồ	Ghi chú
1	2015	1.644 giờ	
2	2016	2.033 giờ	
3	2017	2.997 giờ	
4	2018	2.426 giờ	
5	2019	1.811 giờ	

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm chỉ đạo Nhà máy làm tốt công tác bảo trì sửa chữa, phòng ngừa và xử lý sự cố... nên các tổ máy luôn sẵn sàng, tận dụng triệt để lượng nước trong mùa khô và trong thời điểm có mưa lũ. Vào mùa mưa nhiều nước, nhà máy đã thường xuyên vận hành các Tổ máy ở công suất tối đa ~110% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, nhà máy đã làm chủ, tối ưu hóa vận hành cũng như sự liên hệ và phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ A0, A1 dẫn đến các tổ máy luôn được nổi lưới khi có nước về.

Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng KH 2019 (Triệu kwh)	Sản lượng thực hiện 2018 (Triệu kwh)	Sản lượng thực hiện 2019 (Triệu kwh)	Sản lượng thiết kế (Triệu kwh)	Tỷ lệ % TH/KH 2019	Tỷ lệ % TH/TK
Sản lượng điện thương phẩm	395.407	418.643	359.730	303.701	91%	118%

## **2. Công tác vận hành sản xuất:**

- Năm 2019 điều kiện thủy văn bất thường xảy ra trên quy mô rộng khắp cả nước nói chung và Nhà máy thủy điện Ngòi Phát nói riêng đã làm thiếu hụt sản lượng điện theo kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên trong điều kiện thủy văn không thuận lợi, Nhà máy đã chủ động công tác bảo trì sửa chữa, đặc biệt trong mùa lũ luôn đáp ứng được vận hành tối ưu và an toàn, tin cậy, liên tục và các tổ máy luôn đáp ứng sẵn sàng 100%; công tác làm chủ công nghệ- vận hành đạt 99%.
- Số liệu vận hành thực tế năm 2019 cho thấy tổn hao tổng trung bình 4% là trong giới hạn cho phép, giảm 0,1% tổn hao so với các năm trước.
- Các công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão được kiện toàn nên công tác an toàn được duy trì an toàn tuyệt đối, không xảy ra mất an toàn cho con người và thiết bị.
- Phối hợp nhịp nhàng với Ban quản lý dự án Ngòi Phát mở rộng trong công tác đào tạo con người và quản lý thiết bị.

## **3. Công tác bảo trì sửa chữa:**

- Hoàn thành thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên, công tác bảo dưỡng thiết bị, xử lý sự cố, bảo trì xây dựng, hành lang và đường dây 110KV... đảm bảo vận hành An toàn - Tin cậy.
- Quý 1 và đầu quý 2 đã hoàn thành công tác đại tu tổ máy H1, TBA và các thiết bị đồng bộ. Kiểm tra bảo trì đường hầm tuyến năng lượng và lòng hồ. Đến nay công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên, nhỏ lẻ đã tự thực hiện tốt, riêng sửa chữa lớn và đại tu vẫn phải thuê ngoài thực hiện các phần việc chính; Đánh giá công tác bảo trì sửa chữa đạt 75%.
- Công ty đã mua sắm trang thiết bị vật tư dự phòng đầy đủ đáp ứng được yêu cầu thay thế góp phần quan trọng đáp ứng yêu cầu đảm bảo trong quá trình vận hành.

## **4. Công tác vận hành thị trường phát điện cạnh tranh:**

Các kíp vận hành kiểm soát tốt thông số để vận hành thiết bị đảm bảo đúng quy định thiết kế cũng như phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn để ngăn chặn và đề xuất xử lý sớm, không ảnh hưởng đến công tác huy động tổ máy; đồng thời bám sát kế hoạch huy động công suất thị trường điện tại website thị trường và công tác thủy văn/chạy máy của các Nhà máy thủy điện bậc thang phía trên... đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục, tin cậy để không bị phạt Qdu và phát công suất tối ưu. Năm 2019, công tác phối hợp và vận hành tốt đã đưa giá thị trường tốt nên kết quả doanh thu TTĐ vượt ~ 23,2 tỷ đồng so với giá hợp đồng.



Bảng tổng hợp sản lượng và doanh thu TTĐ năm 2019 cụ thể như sau:

Tháng	Sản lượng tháng	Doanh thu thị trường điện vượt so với giá hợp đồng	Ghi chú
	(kwh)	(đồng VN)	
Tháng 1	30,383,866	740,227,881	
Tháng 2	12,166,264	65,017,422	
Tháng 3	15,756,727	1,166,836,220	
Tháng 4	12,657,795	640,307,292	
Tháng 5	17,876,139	1,332,226,390	
Tháng 6	49,166,388	4,144,547,513	
Tháng 7	56,030,477	3,524,872,555	
Tháng 8	53,132,000	2,702,637,543	
Tháng 9	46,819,431	3,288,759,257	
Tháng 10	31,680,855	3,249,216,112	
Tháng 11	17.861.807	1.377.450.229	
Tháng 12	16.198.851	991.286.704	
<b>Tổng</b>	<b>359.730.580</b>	<b>23.223.009.529</b>	

Bảng tổng hợp doanh thu thị trường điện các năm sản xuất kinh doanh của Nhà máy:

Năm	Giá bán điện theo thị trường điện bình quân trong năm (đồng/kwh)	Doanh thu chênh lệch so với giá hợp đồng (tỷ đồng)	Ghi chú
2016	849,36	(1.800.164.667)	
2017	622,53	(12.557.536.070)	
2018	972,78	5.622.502.214	
2019	1.299,0	23.223.009.529	

#### 5. Công tác quản lý nhà máy:

- Từ 01/04 Công ty tập trung công tác quản lý về nhân sự, đặc biệt nhà máy điều chỉnh lại toàn bộ tổ chức, sắp xếp, phân công, giao việc cụ thể đến từng bộ phận, từng cá nhân và chịu trách nhiệm đến cùng với kết quả công việc: Đặc biệt bổ sung 01 PTGD kiêm GĐNM từ Công ty P&C, 02 PGĐ NM, các cá nhân, bộ phận đã phối hợp, tác nghiệp, đoàn kết đã tạo sức mạnh tổng hợp của cả tập thể, đưa hệ thống nhà máy vận hành - Sản xuất ổn định, an toàn, bền vững, tối ưu nhất.
- Bổ sung các quy trình, quy chế phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay

## II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính 2019.

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH so KH	Ghi chú
I	<b>Dòng tiền bán điện và thu khác</b>	<b>410,13</b>	<b>400,76</b>	<b>98%</b>	
*	<i>Giảm trừ các khoản thu hộ, chi hộ (Thuế TN, Phí DVMTR)</i>	52,03	51,69	99%	
II	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (II=I- * )</b>	<b>358,10</b>	<b>349,07</b>	<b>97%</b>	
III	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>108,03</b>	<b>111,58</b>	<b>103%</b>	
1	Khấu hao	73,71	82,55		
2	Bảo trì, duy tu, sửa chữa, thay thế thường xuyên	4,08	3,20		
3	An toàn, PCCC, phòng chống lũ lụt	0,50	0,47		
4	Chi phí thường xuyên VP nhà máy	2,95	2,50		
5	Bảo trì công trình XD hàng năm	2,20	2,49		
6	Lương - Nhân công trực tiếp, quản lý nhà máy....	17,87	13,91		
7	Sửa chữa lớn	2,36	1,80		
8	Chi phí khác	4,36	4,66		
IV	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (IV=II- III)</b>	<b>250,07</b>	<b>237,49</b>	<b>95%</b>	
V	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>1,20</b>	<b>1,69</b>	<b>141%</b>	
VI	<b>Chi phí tài chính (lãi vay)</b>	<b>108,21</b>	<b>111,27</b>	<b>103%</b>	
	<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	108,21	111,18		
VII	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>22,55</b>	<b>24,14</b>	<b>107%</b>	
1	Chi phí thường xuyên Công ty	11,54	14,08		
2	lương khối quản lý	11,01	10,06		
VIII	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VIII=IV+V-VI-VII)</b>	<b>120,51</b>	<b>103,77</b>	<b>86,2%</b>	
IX	<b>Thu nhập khác</b>		<b>0,14</b>		
X	<b>Chi phí khác</b>		<b>0,11</b>		
XI	<b>Tổng Lợi nhuận trước thuế (XI=VIII+IX-X)</b>	<b>120,51</b>	<b>103,80</b>	<b>86,2%</b>	
XII	<b>Thuế Thu nhập Doanh nghiệp</b>	<b>6,03</b>	<b>5,20</b>	<b>86,3%</b>	
	<i>(thuế suất 20%, năm 2020 dự án được giảm 75%)</i>				
XIII	<b>Lợi nhuận sau thuế (XIII=XI-XII)</b>	<b>114,48</b>	<b>98,60</b>	<b>86,2%</b>	
XIV	<b>Cổ tức</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>		

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 98,6 tỷ đồng tương đương đạt 87% kế hoạch năm, tuy nhiên nếu không tính khoản Chi phí khấu hao tăng thêm 8,8 tỷ đồng so với Chi phí khấu hao kế hoạch thì Lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ là 107,4 tỷ đồng tương đương đạt 94% kế hoạch

### 2. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

Thời điểm 6 tháng đầu năm hàng năm là vào mùa khô hạn nhất trong năm, đặc biệt vào quý 1 và 2 tháng đầu quý II là đỉnh điểm mùa khô hạn, do vậy dòng tiền giai đoạn 6 tháng đầu năm hàng năm cơ bản mất cân đối thu chi. Sang quý III là thời kỳ cao điểm sản xuất kinh doanh do vào mùa mưa, giá trị lợi nhuận của quý III chiếm khoảng 73% kế hoạch hàng năm. Do đặc thù ngành nghề có nguồn thu chênh lệch quá lớn giữa các quý trong năm nên Công ty luôn chủ động trích lập nguồn tài chính dự phòng và vay bổ sung vốn lưu động để bù đắp thiếu hụt dòng tiền tại mọi thời



điểm nhằm duy trì sự hoạt động liên tục của Công ty luôn ổn định và đảm bảo cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- **Tình hình dự kiến trả nợ gốc vay (Đvt: tỷ đồng):**

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dư nợ gốc vay đầu kỳ	Kế hoạch trả nợ gốc vay	Dư nợ gốc vay cuối kỳ	Tỷ lệ ước thực hiện (%)
1	BIDV	995,8		995,8	100%
2	VDB	168,5	89,2	79,3	100%
	<b>Cộng</b>	<b>1.164,3</b>	<b>89,2</b>	<b>1.075,1</b>	

- **Tình hình dự kiến trả nợ lãi:**

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Lãi vay phải trả	Tỷ lệ ước thực hiện (%)
1	BIDV	99,5	103%
2	VDB	11,7	100%
	<b>Cộng</b>	<b>111,2</b>	

- **Tình hình dòng tiền cuối kỳ:** Sau khi Công ty thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ tài chính với tất cả các tổ chức tín dụng, các khách hàng cung cấp dịch vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 thì số dư tiền thuần cuối kỳ còn 69,4 tỷ đồng. Như vậy Công ty tiếp tục đảm bảo đủ dòng tiền bù thiếu hụt cho giai đoạn mùa khô đầu năm 2020.

- Trong quý 4/2019, Công ty đã triển khai thành công việc tái cơ cấu lãi suất tại BIDV với hạn mức đang dư nợ là 995,8 tỷ đồng, lịch trả nợ đến hết năm 2028. Đến ngày 26/12/2019 hai bên đã ký Phụ lục tín dụng điều chỉnh lãi suất giảm 0,4%/năm (hiện nay lãi suất giảm từ 10%/năm về 9,6%/năm). Việc tái cơ cấu lãi suất thành công giúp dự án thủy điện Ngòi Phát tiết giảm chi phí tài chính cho toàn bộ thời gian trả nợ là 25,3 tỷ đồng

### III. Công tác đầu tư các dự án

#### 1. Dự án thủy điện Ngòi Phát Mờ Rộng.

##### ➤ Công tác đầu tư - thi công dự án

- Dự án được tái khởi động vào cuối tháng 2/2019 do Tổng thầu VINACONEX thi công và công trình được triển khai đồng loạt (đào hầm, thi công xây dựng và lắp đặt đường ống, xây dựng Nhà máy và TBA, cung cấp - lắp đặt thiết bị cơ điện Nhà máy..).

##### **Khối lượng chính đã thực hiện trong năm 2019:**

- Hạng mục đào hầm: đã đào xong trên tổng số 38m hầm tương đương 311m<sup>3</sup>/382m<sup>3</sup>, hoàn thành công tác đục cày đổ bê tông tạo phẳng nền hầm chờ đầu nối chạc ba đường hầm.

- Tuyển ống áp lực:

+ Khối lượng đào hố móng: đã hoàn thành;

+ Đổ bê tông mố néo mố đỡ trên tuyến:

Đã hoàn thành toàn bộ các mố néo, mố đỡ (riêng mố néo M3: hoàn thành ngày 8/2/2020).

- Công tác gia công, lắp đặt ống áp lực: cơ bản đã hoàn thành

- + Đã đào hoàn thiện xong hố móng NM;
- + Đổ bê tông bù đến cao trình 105 xong: 2600m<sup>3</sup> bê tông
- + Đổ bê tông kết cấu NM xong đến cao trình mái ~ 2320m<sup>3</sup> và lợp xong mái NM
- + Đắp bù đạt 2700m<sup>3</sup>/8000m<sup>3</sup> đạt 34% khối lượng thiết kế

Đến 31/12/2019 cơ bản hoàn thiện phần kiến trúc Nhà máy và bê tông chèn tua bin giai đoạn 2, hoàn thành công tác đào kênh xả.

- Thiết kế, cung cấp lắp đặt trạm biến áp 110KV:
  - + Đã thi công xong phần tiếp địa và móng TBA, móng cột xuất tuyến G1, đến hết 31/12/2019 hoàn thành cơ bản phần hàng rào, Xây dựng TBA và cột G2.
  - + Hoàn thành công tác cung cấp các Thiết bị TBA và vật tư ĐZ đấu nối NM NPMR.
- Gói thầu thiết bị chính do Nhà thầu FLOVEL được triển khai cơ bản theo đúng tiến độ hợp đồng đã ký kết. Các lô hàng đã lần lượt nhập về trong năm 2019, về tổng thể mặc dù có chậm hơn tiến độ hợp đồng nhưng cơ bản là đáp ứng tiến độ phát điện của dự án. Đến ngày 31/12 các thiết bị cơ bản sẽ về toàn bộ trừ máy phát (đã về cuối tháng 1/2020).
- Công tác lắp đặt thiết bị cơ điện NM: đã xong cầu trục gian máy, xong buồng tua bin, ống phân phối.
- Các công việc theo yêu cầu của ngành điện đã triển khai theo tiến độ chung của dự án: đã xong thỏa thuận rơ le, thỏa thuận SCADA, đang triển khai thỏa thuận TKKT đo đếm điện năng, lập thiết kế cung cấp thi công hạng mục PCCC,....

Đánh giá chung Tiến độ thi công dự án đang chậm, chỉ đạt 85% kế hoạch tiến độ đã được duyệt, đặc biệt Tổng thầu thi công là Tổng công ty Vinaconex chỉ đạt dưới 75% kế hoạch tiến độ.

➤ *Các công việc khác:*

- Giá điện của Ngòi Phát mở rộng: Trong năm 2019, hai bên đã hoàn thành đàm phán giá điện của dự án. Trong tháng 01/2020, NEDI2 và Công ty Mua bán điện đã ký kết hợp đồng mua bán điện của nhà máy Ngòi Phát mở rộng

## **2. Hạng mục cải tạo lòng sông và gia cố tường chắn hạ lưu bảo vệ nhà máy**

Đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ tháng 5/2019, hiện nay Nhà thầu đang lập Hồ sơ quyết toán trình CĐT.

## **3. Hạng mục xây nhà ở cho CBNV nhà máy thủy điện (Nhà nghỉ ca của CBNV nhà máy)**

Hoàn thành công tác đào móng, đổ bê tông móng và xây thô 2 nhà nghỉ ca, kết thúc năm 2019 sẽ cơ bản xong phần xây trát và 60% công tác hoàn thiện. Dự kiến cuối tháng 2/2020 sẽ hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

## **4. Hạng mục nâng cấp đường dây 110Kv**

Trong năm 2019, HĐQT đã phê duyệt chủ trương đầu tư. Công ty đã hoàn thành TK BVTC - dự toán và công tác lựa chọn Nhà thầu. Hạng mục đã triển khai từ đầu tháng 12/2019 và dự kiến tiến độ thi công sẽ hoàn thành đầu tháng 3/2020, đồng bộ song song với thời gian cắt nước đấu nối đường hầm và sửa chữa lớn TM2.

## **5. Tổng hợp chi phí đầu tư năm 2019**

Đơn vị tính: 1.000 đ

St	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỉ lệ %TH/KH	Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2019
I	Đầu tư dự án thủy điện	96.750.000	92.057.268	95	126.858.268



<b>Ngòi Phát Mở rộng</b>					
1	Chi phí tư vấn đầu tư, GPMB, quản lý dự án và chi phí khác	8.500.000	7.650.000	90	17.087.000
2	Chi phí xây dựng	27.450.000	25.545.402	93	31.689.402
3	Chi phí thiết bị	60.800.000	58.861.866	97	78.081.866
<b>II</b>	<b>Các hạng mục đầu tư phục vụ SXKD của NMTĐ NP</b>	<b>31.250.000</b>	<b>15.260.000</b>	<b>49</b>	<b>23.040.000</b>
1	Cải tạo lòng sông và gia cố tường chắn hạ lưu	4.700.000	4.300.000	91	8.550.000
2	Xây dựng nhà ở CBCNV nhà máy	8.250.000	7.300.000	88	10.830.000
3	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110 kV, thủy điện Ngòi Phát	18.300.000	3.660.000	20	3.660.000
<b>III</b>	<b>Các dự án đầu tư khác</b>	<b>2.500.000</b>	<b>500.000</b>		<b>500.000</b>
	Khảo sát, nghiên cứu và phát triển các dự án mới	2.500.000	500.000		500.000
	<b>Tổng cộng (I-III)</b>	<b>130.500.000</b>	<b>107.317.268</b>	<b>82</b>	<b>150.398.268</b>

#### 4. Công tác tìm kiếm phát triển dự án

Trong năm 2019, Công ty tích cực xúc tiến mảng đầu tư phát triển dự án, tập trung ưu tiên đối với lĩnh vực thủy điện vốn là thế mạnh của Công ty thông qua việc tìm kiếm và khảo sát nghiên cứu các dự án tiềm năng để trình HĐQT phê duyệt chủ trương mua lại/phát triển mới, cụ thể:

- Các dự án Tiên Thành, Mỹ Hưng và Bình Long (tỉnh Cao Bằng); Dự án Phong điện Hướng Phùng 7 (Quảng Trị), cụm dự án thủy điện Là Si, Là Pơ (tỉnh Lai Châu), Dự án thủy điện Long Hà (tỉnh Bình Phước): Đối với các dự án này Công ty đã có báo cáo và HĐQT đã quyết định không nghiên cứu đầu tư.
- Nghiên cứu khảo sát dự án Củng Sơn (50MW cho 2 bậc), tỉnh Phú Yên - đã đánh giá sơ bộ và đề xuất HĐQT cho phép nghiên cứu mới.
- Cụm dự án thủy điện Tây Trà (29MW), tỉnh Quảng Ngãi: Đã nghiên cứu khảo sát và có báo cáo đề xuất mua lại và HĐQT đã quyết định không nghiên cứu đầu tư.
- Dự án thủy điện Đăk Ba (30MW), tỉnh Quảng Ngãi: Đang nghiên cứu, đánh giá dự án có hiệu quả tương đối tốt, tháng 12/2019 Công ty đã có báo cáo HĐQT đề xuất đàm phán mua lại, hiện nay đang tiếp tục báo cáo rà soát, cập nhật bổ sung để có phương án đàm phán tiếp theo trong tháng 2/2020.

Ngoài ra, đối với dự án phát triển Du lịch nghỉ dưỡng ở Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai: HĐQT đã chấp thuận chủ trương cho nghiên cứu. Hiện nay, Công ty đang bám sát, cập nhật tình hình lập, phê duyệt quy hoạch chung của Tỉnh để báo cáo HĐQT triển khai tiếp theo.

#### IV. Công tác khác

##### 1. Công tác Quản trị điều hành:

- Tiếp tục điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoàn thành cơ bản các nội quy, quy chế quản lý nội bộ và các quy trình vận hành bảo trì sửa chữa của nhà máy đáp ứng công tác điều hành SXKD của công ty; công tác thực hiện nội quy, Quy chế đi vào nề nếp, nghiêm túc, ổn định chuyên nghiệp;
- Tiếp tục tối ưu công tác quản lý - điều hành, nâng cao lợi nhuận bền vững, cắt giảm chi phí và



đảm bảo giá NET, tối ưu sức lao động CBCNV toàn Công ty.

## **2. Công tác đào tạo:**

Công ty đã chủ động cho CBCNV Công ty và Nhà máy tham gia các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ chuyên sâu cho các CBNV vận hành tại nhà máy nhằm tiến tới làm chủ công nghệ vận hành hoàn toàn làm chủ bảo trì sửa chữa cơ bản nhà máy như: An toàn vệ sinh lao động; Thi bảo vệ chức danh; Triển khai khóa học bồi huấn công tác thị trường điện năm 2019; Biên soạn, hiệu chỉnh, cập nhật các quy trình, quy chế của Nhà máy, Công ty đáp ứng nhu cầu SXKD...

## **3. Công tác chăm lo đời sống CBNV công ty:**

- Đảm bảo các chế độ, kỳ trả lương hàng tháng kịp thời cho người lao động. Công ty đã trích nộp đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho toàn thể CBNV tại BHXH Lào Cai, đảm bảo ổn định các chế độ khác đối với toàn thể CBNV trong công ty.
- Triển khai giải thi đấu thể thao bóng bàn, cầu lông cho CBCNV dịp 30-4, 1/5; đăng ký tham dự thi đấu thể thao với các đơn đóng quân trên địa bàn huyện Bát Xát.
- Tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát hè 2019 đảm bảo an toàn, chu đáo, vui vẻ, tiết kiệm.
- Triển khai công tác đầu tư các hạng mục VAC theo kế hoạch đã được duyệt nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống người lao động.

## **4. Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật:**

Tháng 5/2019 đã hoàn thành PA tiết kiệm điện chiếu sáng: Cải tiến, lắp đặt các thiết bị hệ thống chiếu sáng tiết kiệm điện toàn Công ty, Nhà máy. Công ty tiếp tục tìm tòi, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, khắc phục các hạng mục công trình của nhà máy còn tồn tại, triển khai các giải pháp tối ưu công tác vận hành, tiết giảm chi phí vận hành, tiết kiệm tiêu hao điện tự dùng...

- Nghiên cứu giải pháp tăng dung tích hồ chứa;
- Đề tài thay đổi Superboll chốt các tổ máy;
- Đề tài cải tiến nâng cấp hệ thống giám sát độ rung, độ đảo 03 tổ máy;

## **5. Công tác xã hội, từ thiện:**

Năm 2019 là năm thứ 5 nhà máy thủy điện Ngòi Phát chính thức đi vào hoạt động SXKD, Công ty tiếp tục triển khai các công tác xã hội, từ thiện và các hoạt động khác đối với địa phương theo các chương trình của huyện Bát Xát và của tỉnh Lào Cai. Năm nay Công ty sẽ đóng góp một phần kinh phí vào Công trình Trường mầm non Sàng Ma Sáo của huyện với kinh phí 500tr VNĐ.

## **B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020:**

### **I. Mục tiêu cốt lõi của Công ty:**

- Vận hành sản xuất an toàn, bền vững; tối ưu hóa tất cả các khâu sản xuất đảm bảo hiệu quả, nâng cao lợi nhuận cho cổ đông.
- Cắt giảm, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh tối đa, đặc biệt giảm chi phí quản lý theo nguyên tắc tối ưu - NET; nâng cao giá trị và thương hiệu doanh nghiệp.
- Nghiên cứu, đề xuất đầu tư phát triển năng lượng: mục tiêu năm 2020 có thêm 1-2 dự án tổng



công suất khoảng 50MW và đến năm 2024 Công ty đạt sản lượng điện năng vận hành từ 150MW-200MW.

## II. Tình hình sản xuất, vận hành và bảo trì sửa chữa nhà máy

### 1. Kế hoạch sản lượng:

- Căn cứ kế hoạch vận hành, kế hoạch sửa chữa lớn của 2 tổ máy còn lại theo quy định và đã được EVN phê duyệt phương án.
- Căn cứ kế hoạch dừng toàn bộ nhà máy để đấu nối đường ống áp lực - nâng cấp đường dây 110KV vào tháng 2/2020 thời gian 21 ngày.
- Căn cứ tình hình thủy văn và chi phí hoạt động thực tế của Công ty trong thời gian 5 năm vừa qua, Công ty tính toán lập kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	SL thực hiện cả năm 2019	KH sản lượng năm 2020	Ghi chú
Sản lượng thương phẩm	357.551.981	406.373.910	

### 2. Công tác vận hành sản xuất:

- Tiếp tục đảm bảo vận hành sản xuất an toàn, ổn định - tin cậy - liên tục khi đủ nước về với công suất vận hành vượt 110% công suất thiết kế đối với Nhà máy TĐNP hiện hữu;
- Làm chủ hoàn toàn công nghệ, thiết bị của Nhà máy TĐNP hiện hữu.
- Tiếp nhận chuyển giao công nghệ và vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng an toàn, tin cậy.
- Tiếp tục làm tốt công tác thị trường điện.

### 3. Kế hoạch bảo trì sửa chữa:

- Kế hoạch Quý IV năm 2019 đến hết Quý I năm 2020 tiến hành đại tu tổ máy H3, H2 và tiểu tu tổ máy H1.
- Công tác phối hợp với Ban Quản lý dự án Ngòi Phát mở rộng triển khai đấu nối đường ống áp lực và Cải tạo nâng cấp tuyến đường dây 110KV.
- Tiếp tục khắc phục xử lý các tồn tại khiếm khuyết tổ máy và tính toán bài toán hiệu quả để trình phương án thực hiện PA, đề tài cải tiến kỹ thuật thiết bị như sau:
  - + PA sửa chữa, bảo dưỡng máng tràn ngang (Nâng cao dung tích hồ chứa);
  - + PA cải tiến hệ thống Superbolt chốt các tổ máy;
  - + PA cải tiến nâng cấp hệ thống giám sát độ rung, độ đảo 03 tổ máy;
  - + PA cải tiến lắp ống trao đổi nhiệt LGB.
- Tiếp tục làm chủ nội địa hóa các vật tư thiết bị tránh sự lệ thuộc hoàn toàn từ Nhà thầu Andritz Hydro;
- Công tác bảo trì công trình hồ đập - công trình phụ trợ Nhà máy trước mùa mưa năm 2020.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự kiến dòng tiền năm 2020.

1. Dự kiến kế hoạch kết quả sản xuất như sau:

(Có bảng chi tiết đính kèm)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
I	<b>Dòng tiền bán điện và thu khác</b>	<b>410,13</b>	<b>400,76</b>	<b>447,68</b>	
	<i>Giảm trừ các khoản thu hộ, chi hộ (Thuế TN, Phí DVMTR)</i>	<i>52,03</i>	<i>51,69</i>	<i>53,37</i>	
II	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (II=I- * )</b>	<b>358,10</b>	<b>349,07</b>	<b>394,31</b>	
III	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>108,03</b>	<b>111,58</b>	<b>126,99</b>	
1	Khấu hao	73,71	82,55	88,14	
2	Bảo trì, duy tu, sửa chữa, thay thế thường xuyên	4,08	3,20	7,22	
3	An toàn, PCCC, phòng chống lũ lụt	0,50	0,47	0,52	
4	Chi phí thường xuyên VP nhà máy	2,95	2,50	5,19	
5	Bảo trì công trình XD hàng năm	2,20	2,49	2,04	
6	Lương - Nhân công trực tiếp, quản lý nhà máy....	17,87	13,91	16,39	
7	Sửa chữa lớn	2,36	1,80	3,34	
8	Chi phí khác	4,36	4,66	4,15	
IV	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (IV=II- III)</b>	<b>250,07</b>	<b>237,49</b>	<b>267,32</b>	
V	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>1,20</b>	<b>1,69</b>	<b>1,80</b>	
VI	<b>Chi phí tài chính (lãi vay)</b>	<b>108,21</b>	<b>111,27</b>	<b>106,72</b>	
	<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>108,21</i>	<i>111,18</i>	<i>106,72</i>	
VII	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>22,55</b>	<b>24,14</b>	<b>23,44</b>	
1	Chi phí thường xuyên Công ty	11,54	14,08	10,82	
2	lương khối quản lý	11,01	10,06	12,62	
VIII	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VIII=IV+V-VI-VII)</b>	<b>120,51</b>	<b>103,77</b>	<b>138,96</b>	
IX	<b>Thu nhập khác</b>		<b>0,14</b>	<b>0,06</b>	
X	<b>Chi phí khác</b>		<b>0,11</b>	<b>0,08</b>	
XI	<b>Tổng Lợi nhuận trước thuế (XI=VIII+IX-X)</b>	<b>120,51</b>	<b>103,80</b>	<b>138,95</b>	
XII	<b>Thuế Thu nhập Doanh nghiệp</b>	<b>6,03</b>	<b>5,20</b>	<b>6,95</b>	
	<i>(thuế suất 20%, năm 2020 dự án được giảm 75%)</i>				
XIII	<b>Lợi nhuận sau thuế (XIII=XI-XII)</b>	<b>114,48</b>	<b>98,60</b>	<b>132,00</b>	
XIV	<b>Cổ tức</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>	

Theo Quyết định số 122/QĐ-ĐTĐL của Bộ công thương ký ngày 27/12/2019 quy định tạm thời cho các dự án thủy điện có hồ điều tiết dưới 2 ngày trong năm 2020 là tham gia 10% sản lượng theo TTD cạnh tranh khi chưa thống nhất được với Công ty Mua bán điện về tỷ lệ tham gia TTD trong năm, đồng thời Công ty tạm tính giá TTD là giá bình quân của 3 năm (2017-2018-2019) là 977,8 đ/kwh thì Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 là 109,8 tỷ đồng.

Tuy nhiên Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất năm 2020 trình ĐHĐCĐ với mục tiêu là đàm phán được với Công ty Mua bán điện tỷ lệ sản lượng tham gia TTD là 20%, đồng thời lấy giá thị trường năm 2019 là năm giá TTD cao nhất trong các năm vận hành thực tế là 1.299 đồng/kwh và Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 132 tỷ đồng



## 2. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

Với kết quả sản xuất kinh doanh dự kiến trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

### - Tình hình dự kiến trả nợ gốc vay (Đvt: tỷ đồng):

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dự nợ gốc vay đầu kỳ	Kế hoạch trả nợ gốc vay	Dự nợ gốc vay cuối kỳ	Tỷ lệ ước thực hiện (%)
1	BIDV	995,75		995,75	
2	VDB	79,31	79,31		
3	Vietcombank	100,00	4,20	95,80	P/s lãi tính từ tháng 5/2020
	<b>Cộng</b>	<b>1.175,06</b>	<b>83,51</b>	<b>1.091,55</b>	

### - Tình hình dự kiến trả nợ lãi (Đvt: tỷ đồng):

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Lãi vay phải trả	Tỷ lệ ước thực hiện (%)
1	BIDV	99,60	
2	VDB	3,70	
3	Vietcombank	5,90	
	<b>Cộng</b>	<b>109,20</b>	

## IV. Công tác đầu tư.

### 1. Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng.

Dự án thủy điện NPMR sẽ tập trung quyết liệt để thực hiện đáp ứng tiến độ và chất lượng, thi công các công việc, hạng mục còn lại để đảm bảo hoàn thành toàn bộ công việc xây dựng – lắp đặt - thí nghiệm xong ngày 31/3/2020 - Chạy thử đầu nối hòa lưới phát điện ngày 20/4/2020, công việc cụ thể như sau:

- Hạng mục hầm: hoàn thành công tác tháo nước đường hầm và đầu nối chạc 3, đổ bê tông hầm đầu nối hợp long ống tại cửa hầm trong 21 ngày, bắt đầu từ ngày 15/2.
- Tuyến ống áp lực: hoàn thành công tác thử áp toàn tuyến ống từ nhà van đến trước van cầu, lắp đặt, chạy thử thiết bị Nhà van: xong trước 10/2/2020, đảm bảo sẵn sàng đầu nối vào tuyến năng lượng hiện hữu.
- Nhà máy thủy điện và TBA:
  - + Thi công xong phần xây, trát, ốp lát,... hoàn thiện kiến trúc Nhà máy: 14/2/2020
  - + Lắp đặt thiết bị chính trong Nhà máy kết hợp đổ bê tông kết cấu xen kẽ;
  - + Lắp đặt TB TBA và ĐZ 110 KV, nghiệm thu chạy thử đồng bộ với TB Nhà máy.
  - + Xây dựng phần gia cố mái, hoàn thiện hạ tầng, cảnh quan NM và TBA, kênh xả, hệ thống điện chiếu sáng...
  - + Cung cấp thi công các gói thầu đồng bộ ngành điện, lắp đặt hệ thống PCCC,... đáp ứng tiến độ nghiệm thu, thí nghiệm chạy thử và phát điện nhà máy

Kế hoạch trong Quý II/2020: hoàn thiện các tồn tại của Dự án (nếu có), nghiệm thu - quyết toán hoàn thành công trình.

## 2. Hạng mục nâng cấp đường dây 110kV.

- Triển khai đặt hàng vật tư, thi công các phần móng và các đoạn cắt điện ngăn ngày trước
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư, nhân lực, thiết bị thi công tổng lực để hoàn thành hạng mục đồng bộ cùng với tiến độ cắt nước đầu nối đường ống áp lực, sửa chữa lớn trong 21 ngày (dự kiến bắt đầu từ 15/2/2020).

## 3. Hạng mục xây nhà ở cho CBNV nhà máy thủy điện (Nhà nghỉ ca của CBNV nhà máy)

Hoàn thiện toàn bộ hạng mục, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng trong quý I/2020, hoàn thành quyết toán công trình trong Quý II/2020.

## 4. Đối với các Dự án khác:

Trong năm 2020, Công ty sẽ tập trung cao việc tìm kiếm, nghiên cứu các dự án về lĩnh vực năng lượng có tiềm năng (ưu tiên thủy điện, phong điện), tổ chức khảo sát, đánh giá và lựa chọn các dự án có hiệu quả tốt để trình HĐQT mua lại thành công ít nhất một Dự án mới để đầu tư. Các kế hoạch triển khai cụ thể gồm:

- Tiếp tục báo cáo rà soát, cập nhật dự án thủy điện ĐăkBa (Quảng Ngãi) và đề xuất HĐQT tiếp tục đàm phán mua lại.
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu phát triển các dự án thủy điện, phong điện khác có tiềm năng (nghiên cứu mới cụm NMTĐ Củng Sơn và các dự án thủy điện, phong điện khác...), kịp thời báo cáo đề xuất với HĐQT.

Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục triển khai nghiên cứu quy hoạch và lập dự án đầu tư nghiên cứu phát triển Du lịch nghỉ dưỡng ở Y Tý (Lào Cai) theo chủ trương HĐQT đã thông qua.

## 5. Kế hoạch đầu tư năm 2020:

Đơn vị: 1000 đ

St	Danh mục dự án	Lũy kế giá trị thực hiện đến T12/2019	Kế hoạch đầu tư 2020	Kế hoạch giải ngân năm 2020			Lũy kế ước GT đầu tư đến T12/2020
				Vốn tự có	Vốn vay	Tổng cộng	
I	<b>Đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát Mở rộng</b>	<b>126.858.268</b>	<b>55.302.621</b>	<b>18.690.414</b>	<b>34.464.408</b>	<b>53.154.822</b>	<b>182.160.889</b>
1	Chi phí tư vấn đầu tư, GPMB, quản lý dự án và chi phí khác	17.087.000	15.882.163	15.882.163		15.882.163	32.969.163
2	Chi phí xây dựng	31.689.402	14.591.018	2.200.282	12.390.736	14.591.018	46.280.420
3	Chi phí thiết bị	78.081.866	24.829.440	607.969	22.073.672	22.681.642	102.911.306
II	<b>Các hạng mục đầu tư phục vụ SXKD của NMTĐ</b>	<b>23.040.000</b>	<b>14.840.000</b>	<b>14.840.000</b>	<b>0</b>	<b>14.840.000</b>	<b>37.880.000</b>
1	Cải tạo lòng sông và gia cố tường chắn hạ lưu	8.550.000	0	0	0	0	8.550.000
2	Xây dựng nhà ở CBCNV nhà máy	10.830.000	800.000	800.000	0	800.000	11.630.000



3	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110 kV, thủy điện Ngòi Phát	3.660.000	14.040.000	14.040.000	0	14.040.000	17.700.000
III	Khảo sát, tìm kiếm dự án	500.000	2.000.000	2.000.000	0	2.000.000	2.500.000
IV	Các dự án đầu tư mới	Các dự án khả thi được thực hiện sẽ trình HĐQT phê duyệt cụ thể					
	<b>Tổng cộng</b>	<b>150.398.268</b>	<b>72.142.621</b>	<b>35.530.414</b>	<b>34.464.408</b>	<b>69.994.822</b>	<b>222.540.889</b>

## V. Công tác Quản lý - Điều hành - Đào tạo

**1. Công ty:** Tiếp tục hoàn thiện các Quy trình quản lý, điều hành: Đào tạo bổ sung các chứng chỉ đấu thầu, quản lý dự án, giám sát cho các cán bộ và chuyên viên; Tiếp tục tiết giảm chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất

**2. Nhà máy:** Tiếp tục bồi huấn, đào tạo nâng cao kỹ thuật chuyên sâu cho CBCN nhà máy, nâng cao công tác quản lý; Đào tạo công nhân vận hành NM NPMR; Tiếp tục soạn thảo, điều chỉnh bổ sung các quy trình, hướng dẫn công tác vận hành, khắc phục sự cố, bảo trì sửa chữa...

## VI. Công tác khác

- Công tác quản lý điều hành: đảm bảo kỷ cương kỷ luật và các nội quy, quy chế. tập trung nâng cao Năng suất - Tiến độ - Hiệu quả công việc; Cắt giảm chi phí, tối ưu lợi nhuận cho cổ đông đảm bảo sự bền vững; Đẩy mạnh sản xuất, nâng cao tiết kiệm. Sử dụng nguồn lực tối ưu, hiệu quả phục vụ công tác vận hành sản xuất và triển khai thực hiện đầu tư dự án Ngòi Phát mở rộng.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đầy đủ đến CBCNV.
- Đảm bảo công tác an toàn, an ninh, ổn định và liên tục trong công tác vận hành sản xuất cũng như thi công trên công trường với nguyên tắc An toàn - Tiến độ - Chất lượng.
- Công tác thi đua: Khuyến khích, kích lệ toàn bộ CBCNV tham gia thi đua sản xuất, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các hoạt động thể chất, văn hóa thể thao...
- Công tác VAC: hoàn thành xong trong đầu năm 2020 và tiến hành chăn nuôi, trồng chọt.
- Triển khai xây dựng công trình thiện nguyện cho địa phương trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiệu quả và tiết kiệm nhất.

Trên đây là Báo cáo thực hiện kết quả SXKD năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020. Công ty NEDI2 kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và rất mong nhận được các ý kiến chỉ đạo của HĐQT, ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông để Công ty hoàn thành tốt hơn các mục tiêu đề ra.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Ứng Hồng Vân*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019**





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 64B, Đường Phan Đình Phùng, Phường Phố Mới  
Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Xuân Đông	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 3 năm 2019)
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019)
Ông Dương Văn Mậu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Hữu Tới	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019)
Ông Ứng Hồng Vận	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Ứng Hồng Vận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2019)
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.




**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 64B, Đường Phan Đình Phùng, Phường Phố Mới  
Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Ứng Hồng Vận**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 06 tháng 02 năm 2020

Số: 0486 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày về việc thay đổi ước tính kế toán liên quan đến thời gian sử dụng của tài sản cố định của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 06 tháng 02 năm 2020  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Nguyễn Tiên Quốc, written in a cursive style.

**Nguyễn Tiên Quốc**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3008-2019-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>137.551.950.179</b>	<b>132.176.446.172</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>69.405.240.095</b>	<b>60.001.777.471</b>
1. Tiền	111		8.822.354.635	4.152.851.061
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.582.885.460	55.848.926.410
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.108.817.507</b>	<b>43.492.371.361</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	15.682.776.112	23.937.350.543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	12.182.695.718	14.560.996.769
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	7.889.361.401	5.640.039.773
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(646.015.724)	(646.015.724)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>27.001.850.485</b>	<b>25.196.562.340</b>
1. Hàng tồn kho	141		27.001.850.485	25.196.562.340
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.036.042.092</b>	<b>1.485.735.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.372.122.931	1.485.735.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.661.992.803	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.926.358	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.728.850.870.263</b>	<b>1.714.340.771.685</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.060.670.918</b>	<b>18.050.670.918</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	18.060.670.918	18.050.670.918
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.586.816.505.449</b>	<b>1.670.095.596.345</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.586.816.505.449	1.670.095.596.345
- Nguyên giá	222		1.951.895.156.093	1.951.895.156.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(365.078.650.644)	(281.799.559.748)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>109.102.950.496</b>	<b>13.616.106.050</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	109.102.950.496	13.616.106.050
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.870.743.400</b>	<b>12.578.398.372</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	14.870.743.400	12.578.398.372
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.866.402.820.442</b>	<b>1.846.517.217.857</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.178.622.621.220</b>	<b>1.206.188.947.847</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>113.894.604.627</b>	<b>122.448.533.423</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	4.609.892.972	4.670.645.363
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.677.206.479	8.135.323.806
3. Phải trả người lao động	314		6.241.629.184	9.340.084.330
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.340.790.668	1.341.499.184
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	4.342.479.218	9.602.642.757
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	94.651.768.123	89.184.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.837.983	174.337.983
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.064.728.016.593</b>	<b>1.083.740.414.424</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	1.064.728.016.593	1.083.740.414.424
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>687.780.199.222</b>	<b>640.328.270.010</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>687.780.199.222</b>	<b>640.328.270.010</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.939.607.633	499.939.607.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.939.607.633	499.939.607.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.388.399.680	14.388.399.680
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		173.452.191.909	126.000.262.697
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		74.849.012.374	53.122.518.186
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		98.603.179.535	72.877.744.511
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.866.402.820.442</b>	<b>1.846.517.217.857</b>

  
Trịnh Thị Vui  
Người lập biểu

  
Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

  
Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>349.070.477.474</b>	<b>384.765.048.720</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>349.070.477.474</b>	<b>384.765.048.720</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	20	111.579.901.648	108.125.758.475
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>237.490.575.826</b>	<b>276.639.290.245</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.688.814.582	2.677.138.906
7. Chi phí tài chính	22	23	111.269.886.428	116.114.358.056
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		111.175.882.387	116.038.439.935
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	24.136.021.224	32.057.161.250
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)</b>	<b>30</b>		<b>103.773.482.756</b>	<b>131.144.909.845</b>
10. Thu nhập khác	31		136.030.700	464.211.071
11. Chi phí khác	32	24	110.858.248	1.512.960.359
<b>12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>25.172.452</b>	<b>(1.048.749.288)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>103.798.655.208</b>	<b>130.096.160.557</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	5.195.475.673	6.580.456.046
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>98.603.179.535</b>	<b>123.515.704.511</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.972	2.461



Trịnh Thị Vui  
Người lập biểu



Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng




Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>103.798.655.208</b>	<b>130.096.160.557</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	83.279.090.896	71.731.903.743
Các khoản dự phòng	03	-	646.015.724
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(9.357.131)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.688.814.582)	(2.667.781.775)
Chi phí lãi vay	06	111.175.882.387	116.038.439.935
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>296.564.813.909</b>	<b>315.835.381.053</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.645.122.599	2.743.378.539
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.805.288.145)	(2.156.274.839)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.570.146.492)	6.049.967.295
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.178.732.959)	(2.665.124.996)
Tiền lãi vay đã trả	14	(111.176.590.903)	(118.667.816.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.233.576.715)	(5.474.204.337)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(188.622.677)	(7.169.439.413)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>170.056.978.617</b>	<b>188.495.867.086</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(100.474.201.737)	(16.833.590.084)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.688.814.582	2.667.781.775
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(96.785.387.155)</b>	<b>(16.165.808.309)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	95.076.310.554	18.586.347.051
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(108.620.940.262)	(139.084.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.323.499.130)	(138.977.779.419)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(63.868.128.838)</b>	<b>(259.475.432.368)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>9.403.462.624</b>	<b>(87.145.373.591)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>60.001.777.471</b>	<b>147.147.151.062</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>69.405.240.095</b>	<b>60.001.777.471</b>



Trịnh Thị Vui  
Người lập biểu



Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2020



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000084 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và giao dịch trên sàn UPCoM với mã ND2 từ ngày 22 tháng 7 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 93 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 110 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng; và
- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

01125  
CÔNG  
H NHIỆM  
ELOG  
IỆT  
ĐA -



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Số năm	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 50	25 - 35
Máy móc và thiết bị	3 - 20	20
Thiết bị văn phòng	3 - 5	3 - 5
Phương tiện vận tải	6	6

Trong năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá và thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản cố định để phù hợp với thời gian sử dụng của Tài sản cố định. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tăng khoảng 11,9 tỷ VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như các năm trước.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí thuê văn phòng, bảo hiểm rủi ro tài sản, đại tu máy móc thiết bị và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp và giá bán điện đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

00 - 6  
TY  
HỮU H  
TTE  
JAM  
TP. H

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng các ưu đãi thuế theo các giấy chứng nhận đầu tư, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên (2014) có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Tất cả các miễn giảm trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016. Năm 2019, Công ty tiếp tục áp dụng giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trên số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	83.473.052	969.662.386
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.738.881.583	3.183.188.675
Các khoản tương đương tiền (*)	60.582.885.460	55.848.926.410
	<b>69.405.240.095</b>	<b>60.001.777.471</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán điện	15.661.776.112	23.937.350.543
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	21.000.000	-
	<b>15.682.776.112</b>	<b>23.937.350.543</b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Tú Liên	4.169.082.590	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 4 - Sông Hồng	3.865.800.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Flovel	-	8.686.347.051
Công ty TNHH một thành viên Đức Thiện	-	1.199.211.297
Công ty Cổ phần Xây dựng Thiết bị và Thương mại TCC	-	1.086.752.521
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	-	604.402.184
Các đối tượng khác	4.147.813.128	2.984.283.716
	<b>12.182.695.718</b>	<b>14.560.996.769</b>

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công ty Mua Bán Điện	4.821.983.756	2.876.780.784
- Tạm ứng cho nhân viên	1.186.522.090	2.114.011.000
- Ký quỹ	1.202.413.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	646.015.724	646.015.724
- Phải thu khác	32.426.831	3.232.265
	<b>7.889.361.401</b>	<b>5.640.039.773</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Phải thu dài hạn khác	18.060.670.918	18.050.670.918
	<b>18.060.670.918</b>	<b>18.050.670.918</b>

Phải thu dài hạn khác là khoản tiền sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm thuê (các xã Bàn Vược, Bàn Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013 liên quan đến số tiền Công ty đã chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát tại khu đất trên. Tiền thuê đất này được miễn giảm đến hết tháng 7 năm 2023 theo Quyết định số 24749/QĐ-CT ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai.

Công ty đang trong quá trình quyết toán số tiền thuê đất sẽ được bù trừ với Cục Thuế tỉnh Lào Cai.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.355.634.574	-	1.245.263.269	-
Công cụ, dụng cụ	25.646.215.911	-	23.951.299.071	-
	<b>27.001.850.485</b>	<b>-</b>	<b>25.196.562.340</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Bảo hiểm rủi ro tài sản	1.362.122.931		1.485.735.000	
- Khác	10.000.000		-	
	<b>1.372.122.931</b>		<b>1.485.735.000</b>	
<b>b. Dài hạn</b>				
- Chi phí thuê văn phòng (*)	10.652.889.527		10.972.476.213	
- Chi phí đại tu máy móc thiết bị	4.142.381.910		1.508.952.000	
- Khác	75.471.963		96.970.159	
	<b>14.870.743.400</b>		<b>12.578.398.372</b>	

(\*) Chi phí thuê văn phòng phản ánh các khoản trả trước tiền thuê 211.77 m<sup>2</sup> của tầng 9, tòa nhà Vinaconex theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 114A/2016/HĐKT-BĐT ngày 24 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với thời hạn 37 năm tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2016. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Hợp đồng cho thuê văn phòng này đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	1.386.744.092.275	557.280.504.815	7.768.008.045	102.550.958	1.951.895.156.093
Số dư cuối năm	1.386.744.092.275	557.280.504.815	7.768.008.045	102.550.958	1.951.895.156.093
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	164.881.658.417	113.305.956.056	3.509.394.317	102.550.958	281.799.559.748
Khấu hao trong năm	51.656.813.067	30.862.105.155	760.172.674	-	83.279.090.896
Số dư cuối năm	216.538.471.484	144.168.061.211	4.269.566.991	102.550.958	365.078.650.644
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	1.221.862.433.858	443.974.548.759	4.258.613.728	-	1.670.095.596.345
Tại ngày cuối năm	1.170.205.620.791	413.112.443.604	3.498.441.054	-	1.586.816.505.449

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền khoảng 1.745 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 1.414 triệu VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 03 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Ngòi Phát, công suất 72 MW tại Tỉnh Lào Cai. Theo đó, Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định để phù hợp với thời gian sử dụng của các tài sản cố định này. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tăng khoảng 11,9 tỷ VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như các năm trước.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp /thu trong năm VND	Khấu trừ/Điều chỉnh VND	Số đã thực nộp /thu trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	2.570.715.949	34.443.035.378	6.565.654.723	30.448.096.604	-
- Thuế GTGT đầu ra	2.570.715.949	34.443.035.378	6.565.654.723	30.448.096.604	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.043.939.820	5.195.475.673	-	6.233.576.715	5.838.778
Thuế tài nguyên	1.931.580.784	23.845.064.671	-	24.266.556.167	1.510.089.288
Thuế thu nhập cá nhân	2.589.087.253	2.564.438.353	-	4.943.369.624	210.155.982
Thuế khác	-	3.078.211.508	-	2.127.089.077	951.122.431
	<b>8.135.323.806</b>	<b>69.126.225.583</b>	<b>6.565.654.723</b>	<b>68.018.688.187</b>	<b>2.677.206.479</b>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Ngòi Phát mở rộng	97.480.505.211	11.644.594.873
Dự án Khu nhà nghỉ ca CBCNV Nhà máy	2.844.204.014	696.961.976
Dự án Thanh thải lòng sông và gia cố hạ lưu nhà máy	7.273.777.845	1.274.549.201
Dự án nâng cao khả năng truyền tải điện	862.884.426	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	641.579.000	-
	<b>109.102.950.496</b>	<b>13.616.106.050</b>



**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>VND</b>	<b>Giá trị</b>	<b>VND</b>
		<b>Số có khả năng trả nợ</b>		<b>Số có khả năng trả nợ</b>
Công ty TNHH Andritz Hydro Private	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747
Công ty Truyền tải điện 1	463.651.100	463.651.100	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thiết bị và Thương mại TCC	635.722.146	635.722.146	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Lào Cai	230.769.930	230.769.930	1.657.633.475	1.657.633.475
Các đối tượng khác	1.210.456.049	1.210.456.049	943.718.141	943.718.141
	<b>4.609.892.972</b>	<b>4.609.892.972</b>	<b>4.670.645.363</b>	<b>4.670.645.363</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	1.340.790.668	1.341.499.184
	<b>1.340.790.668</b>	<b>1.341.499.184</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	38.773.616	66.372.058
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.403.848.108	1.733.387.238
Phải trả quỹ phát triển rừng	2.366.694.468	7.240.703.256
Các khoản phải trả khác	533.163.026	562.180.205
	<b>4.342.479.218</b>	<b>9.602.642.757</b>

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	27.889.008.963	19.436.940.262	8.452.068.701	8.452.068.701
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	89.184.000.000	89.184.000.000	86.199.699.422	89.184.000.000	86.199.699.422	86.199.699.422
	<b>89.184.000.000</b>	<b>89.184.000.000</b>	<b>114.088.708.385</b>	<b>108.620.940.262</b>	<b>94.651.768.123</b>	<b>94.651.768.123</b>

(\*) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân số 01/2019-HĐCVHM/NHCT127-NIDE2 ngày 28 tháng 01 năm 2019. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh cho Công ty. Theo Phụ lục ngày 28 tháng 6 năm 2019, hạn mức tín dụng tăng từ 10 tỷ VND lên 20 tỷ VND. Theo Phụ lục ngày 05 tháng 7 năm 2019, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020. Khoản vay chịu lãi suất điều chỉnh theo từng Giấy nhận nợ và được thanh toán mỗi tháng 1 lần. Gốc vay được thanh toán theo ngày quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT127-NIDE2 ngày 27 tháng 6 năm 2019, tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là Hợp đồng cho thuê văn phòng số 114A/2016/HĐKT-BĐT ngày 24 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với thời hạn 37 năm tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 với giá trị thế chấp là 11.361.000.000 VND (xem Thuyết minh số 9).

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn (*)	1.172.924.414.424	1.172.924.414.424	67.187.301.591	89.184.000.000	1.150.927.716.015	1.150.927.716.015
	<b>1.172.924.414.424</b>	<b>1.172.924.414.424</b>	<b>67.187.301.591</b>	<b>89.184.000.000</b>	<b>1.150.927.716.015</b>	<b>1.150.927.716.015</b>

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	89.184.000.000	86.199.699.422
- Số phải trả sau 12 tháng	1.083.740.414.424	1.064.728.016.593



(\*) Vay dài hạn bao gồm các khoản sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	995.751.972.373	995.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	79.302.095.000	168.486.095.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (iii)	75.873.648.642	8.686.347.051
	<b>1.150.927.716.015</b>	<b>1.172.924.414.424</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	86.199.699.422	89.184.000.000
Trong năm thứ hai	66.897.604.422	79.302.095.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	360.692.813.266	408.686.347.051
Trên 5 năm	637.137.598.905	595.751.972.373
<b>Cộng</b>	<b>1.150.927.716.015</b>	<b>1.172.924.414.424</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	86.199.699.422	89.184.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.064.728.016.593</b>	<b>1.083.740.414.424</b>

(i) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng vay số 01/2008/NED12-SGD/HĐTDDH ngày 18 tháng 10 năm 2008 và phụ lục số 01.2016/PL ngày 9 tháng 5 năm 2016 với hạn mức tín dụng tối đa 1.189.648.929.000 VND. Khoản vay được sử dụng để thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Ngòi Phát. Lãi suất áp dụng là 4%/năm cộng lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng. Khoản vay được ân hạn trong vòng 36 tháng và được thanh toán trong vòng 36 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng, lần trả nợ gốc đầu tiên vào tháng thứ 39 kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên.

(ii) Khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam hợp đồng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 18 tháng 10 năm 2008. Mục đích của khoản vay là để đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát, tỉnh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 437.745.000.000 VND. Thời gian ân hạn là 24 tháng, thời hạn vay tối đa là 96 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất áp dụng là 11,4%/năm và được điều chỉnh theo Quyết định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (nếu có). Gốc và lãi vay được thanh toán mỗi tháng 1 lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty.

(iii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số 01/17/VCB.CB-NED12 ngày 10 tháng 8 năm 2017. Mục đích của khoản vay là để đầu tư cho dự án Thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 156 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân lần đầu và thời gian ân hạn nợ gốc là 28 tháng. Lãi suất trong hạn bằng lãi suất cơ sở cộng với biên độ (biên độ là 2,7% áp dụng cố định cho năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu, kỳ điều chỉnh lãi suất là 6 tháng 1 lần) và lãi suất đối với dư nợ quá hạn là 130% lãi suất của khoản vay trong hạn. Lãi vay được thanh toán sau 6 ngày kể từ ngày nhận phiếu tính lãi, gốc vay chỉ được thanh toán trước hạn khi được Ngân hàng đồng ý.

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát và Ngòi Phát mở rộng, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai, toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay của các ngân hàng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>499.939.607.633</b>	<b>14.388.399.680</b>	<b>150.531.646.186</b>	<b>664.859.653.499</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	123.515.704.511	123.515.704.511
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.440.000.000)	(6.440.000.000)
Chia cổ tức 2017	-	-	(89.989.128.000)	(89.989.128.000)
Tạm ứng cổ tức 2018	-	-	(49.993.960.000)	(49.993.960.000)
Thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	-	-	(1.624.000.000)	(1.624.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>499.939.607.633</b>	<b>14.388.399.680</b>	<b>126.000.262.697</b>	<b>640.328.270.010</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	98.603.179.535	98.603.179.535
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(49.993.960.000)	(49.993.960.000)
Thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (*)	-	-	(657.290.323)	(657.290.323)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>499.939.607.633</b>	<b>14.388.399.680</b>	<b>173.452.191.909</b>	<b>687.780.199.222</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 12 tháng 3 năm 2019, Công ty đã phê duyệt chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 99.987.920.000 VND, trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 500.000.000 VND, khen thưởng và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là 657.290.323 VND.



**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 500.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty chưa được góp đủ.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn cổ phần được duyệt <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000.000.000 500.000.000.000	500.000.000.000 500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	499.939.607.633 499.939.607.633	499.939.607.633 499.939.607.633
Vốn cổ phần đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	499.939.607.633 499.939.607.633	499.939.607.633 499.939.607.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**19. DOANH THU**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu tiền điện	349.013.015.646	384.765.048.720
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.461.828	-
	<b>349.070.477.474</b>	<b>384.765.048.720</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hoạt động sản xuất điện	111.579.901.648	108.125.758.475
	<b>111.579.901.648</b>	<b>108.125.758.475</b>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.040.859.380	5.203.501.105
Chi phí lương nhân công	27.676.917.251	32.399.999.900
Các khoản bảo hiểm và phụ cấp trích theo lương	3.486.830.348	7.758.495.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.227.853.524	71.731.903.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.748.922.300	13.233.985.737
Chi phí khác bằng tiền	6.534.540.069	9.855.034.119
	<b>135.715.922.872</b>	<b>140.182.919.725</b>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.668.307.585	2.617.010.784
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.506.997	50.770.991
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	9.357.131
	<b>1.688.814.582</b>	<b>2.677.138.906</b>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	111.175.882.387	116.038.439.935
Chi phí tài chính khác	94.004.041	75.918.121
	<b>111.269.886.428</b>	<b>116.114.358.056</b>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân công	13.512.032.423	14.118.415.479
Các khoản bảo hiểm và phụ cấp trích theo lương	2.248.806.654	4.373.183.903
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	476.660.358	93.845.659
Chi phí khấu hao	676.505.710	957.546.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.687.800.748	538.114.549
Chi phí khác	2.534.215.331	11.976.055.474
	<b>24.136.021.224</b>	<b>32.057.161.250</b>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.195.475.673	6.580.456.046
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.195.475.673</b>	<b>6.580.456.046</b>



Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>103.798.655.208</b>	<b>130.096.160.557</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>110.858.248</i>	<i>1.512.960.359</i>
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>103.909.513.456</b>	<b>131.609.120.916</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi giảm 50% (i)</i>	<i>103.909.513.456</i>	<i>131.609.120.916</i>
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5.195.475.673</b>	<b>6.580.456.046</b>

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty đang được hưởng các ưu đãi về đầu tư theo các quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

(i) Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tất cả các miễn giảm trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016.

Các tờ khai và quyết toán thuế được lập bởi Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định khác về thuế được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
		<b>(Trình bày lại)</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	98.603.179.535	123.515.704.511
<i>Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (*) (VND)</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	98.603.179.535	123.015.704.511
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	49.993.960	49.993.960
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.972</b>	<b>2.461</b>

(\*) Trong năm 2019, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 3 năm 2019 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018. Do vậy, Công ty đã xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2018 là 2,481 VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính năm 2018 là 2,471 VND/cổ phiếu)

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

**Môi quan hệ**

Công ty mẹ

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam</b>		
Phí thương hiệu	1.142.232.346	1.159.980.000
Chia cổ tức	36.615.576.304	101.517.800.000
Mua dịch vụ	44.545.454	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.950.876.996	4.112.133.457

**28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**


Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm đã bao gồm số tiền 733.074.906 VND là số tiền trả trước cho người bán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.254.282.385 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 26/2020/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 01 năm 2020 thông qua phương án tạm ứng 10% cổ tức của năm tài chính 2019 và chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức của năm 2019, Công ty sẽ thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%/mệnh giá (01 cổ phiếu nhận được 1.000 đồng) cho các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán tài ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức năm 2019 (ngày 21 tháng 01 năm 2020), thời gian thực hiện chi trả là ngày 28 tháng 02 năm 2020. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục liên quan đến đợt tạm ứng cổ tức này.

  
Trịnh Thị Vui  
Người lập biểu

  
Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

  
Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2020



Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Với tinh thần đoàn kết và nhất trí cao của các thành viên, trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 đã thực hiện và hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã đề ra. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đã phát huy năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác quản trị, điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả công tác quản trị điều hành năm 2019 và kế hoạch công tác năm 2020 như sau:

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

#### 1.1 Công tác nhân sự năm 2019

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên (đã được ĐHĐCĐ năm 2019 bầu ngày 11/03/2019).

- |                         |                 |
|-------------------------|-----------------|
| 1. Ông Nguyễn Xuân Đông | Chủ tịch HĐQT   |
| 2. Ông Dương Văn Mậu    | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Hữu Tới   | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Bùi Tuấn Anh     | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Tiến Hải  | Thành viên HĐQT |

#### 1.2 Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định/nghị quyết chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là:

- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt các chủ trương, chiến lược đã đề ra. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT.
- Duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định (03 tháng một lần) và họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình cũng như số lượng thành viên dự họp và biểu quyết thông qua theo luật định các nội dung vấn đề được nêu ra. Đồng thời, thường xuyên trao đổi thông tin, bàn bạc thảo luận, phối hợp thống nhất chỉ đạo giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị để đưa ra các biện pháp giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu về đầu tư và SXKD của Công ty.
- Các kỳ họp HĐQT trong năm 2019

Trong năm 2019 HĐQT đã tiến hành họp 05 cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Xuân Đông	Chủ tịch HĐQT	11/03/2019	5/5	100%	
2	Nguyễn Hữu Tới	Thành viên	11/03/2019	5/5	100%	
3	Dương Văn Mậu	Thành viên	11/03/2019	5/5	100%	
4	Bùi Tuấn Anh	Thành viên	11/03/2019	5/5	100%	
5	Nguyễn Tiến Hải	Thành viên	11/03/2019	5/5	100%	

- Các Nghị quyết, quyết định đã ban hành trong năm 2019

Trong năm 2019 HĐQT đã ban hành tổng cộng là 28 Nghị quyết, quyết định (đề nghị xem phụ lục kèm theo).

1.3 Tình hình thực hiện các nội dung đã được Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019 của Công ty thông qua

1.3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh

a. Doanh thu và lợi nhuận

Cùng chung tình trạng cả nước, điều kiện thủy văn năm 2019 không thuận lợi, nắng nóng, khô hạn trên diện rộng và kéo dài; lưu lượng nước về hồ Ngòi Phát rất thấp so với trung bình nhiều năm đặc biệt Quý 4/2019 lượng mưa giảm đột ngột, không có mưa, không có lũ lớn như các năm 2016, 2017, 2018.

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm chỉ đạo Nhà máy làm tốt công tác bảo trì sửa chữa, phòng ngừa và xử lý sự cố...nên các tổ máy luôn sẵn sàng, tận dụng triệt để lượng nước trong mùa khô và trong thời điểm có mưa lũ. Vào mùa mưa nhiều nước, nhà máy đã thường xuyên vận hành các Tổ máy ở công suất tối đa ~110% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, nhà máy đã làm chủ, tối ưu hóa vận hành cũng như sự liên hệ và phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ A0, A1 dẫn đến các tổ máy luôn được nối lưới khi có nước về.

Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng KH 2019 (Triệu kwh)	Sản lượng thực hiện 2018 (Triệu kwh)	Sản lượng thực hiện 2019 (Triệu kwh)	Sản lượng thiết kế (Triệu kwh)	Tỷ lệ % TH/KH 2019	Tỷ lệ % TH/TK
Sản lượng điện thương phẩm	395.407	418.643	359.730	303.701	91%	118%

Kết quả SXKD được thể hiện ở các nội dung chủ yếu sau:

Doanh thu bán điện và thu khác đạt 400,76 tỷ đồng đạt 98% kế hoạch

Giá vốn hàng bán là 111,58 tỷ đồng đạt 103% kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế là 98,6 tỷ đồng đạt 86% kế hoạch

(số liệu chi tiết đề nghị xem tại báo cáo của Ban điều hành)



## Công tác vận hành thị trường phát điện cạnh tranh:

Các kíp vận hành kiểm soát tốt thông số để vận hành thiết bị đảm bảo đúng quy định thiết kế cũng như phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn để ngăn chặn và đề xuất xử lý sớm, không ảnh hưởng đến công tác huy động tổ máy; đồng thời bám sát kế hoạch huy động công suất thị trường điện tại website thị trường và công tác thủy văn/chạy máy của các Nhà máy thủy điện bậc thang phía trên... đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục, tin cậy để không bị phạt Qdu và phát công suất tối ưu. Năm 2019, công tác phối hợp và vận hành tốt đã đưa giá thị trường tốt nên kết quả doanh thu TTĐ vượt ~ 23,2 tỷ đồng so với giá hợp đồng, tăng 413% so với năm 2018.

### b. Tình hình tài chính của Công ty

Với kết quả sản xuất kinh doanh trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- **Tình hình dòng tiền cuối kỳ:** Sau khi Công ty thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ tài chính với tất cả các tổ chức tín dụng, các khách hàng cung cấp dịch vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 thì số dư tiền thuần cuối kỳ còn 69,4 tỷ đồng. Như vậy Công ty tiếp tục đảm bảo đủ dòng tiền bù thiếu hụt cho giai đoạn mùa khô đầu năm 2020.

- Trong quý 4/2019, Công ty đã triển khai thành công việc tái cơ cấu lãi suất tại BIDV với hạn mức đang dư nợ là 995,8 tỷ đồng, lịch trả nợ đến hết năm 2028. Đến ngày 26/12/2019 hai bên đã ký Phụ lục tín dụng điều chỉnh lãi suất giảm 0,4%/năm (hiện nay lãi suất giảm từ 10%/năm về 9,6%/năm). Việc tái cơ cấu lãi suất thành công giúp dự án thủy điện Ngòi Phát tiết giảm chi phí tài chính cho toàn bộ thời gian trả nợ là 25,3 tỷ đồng

### c. Công tác đầu tư dự án Thủy điện Ngòi Phát mở rộng

Dự án được tái khởi động vào cuối tháng 2/2019 do Tổng thầu VINACONEX thi công và đơn vị cung cấp thiết bị chính là Nhà thầu FILOVEL Ấn Độ. Công trình được triển khai đồng loạt (đào hầm, thi công xây dựng và lắp đặt đường ống, xây dựng Nhà máy và TBA, cung cấp - lắp đặt thiết bị cơ điện Nhà máy...) cho đến nay tiến độ tuy có chậm một số hạng mục nhưng đang trong tầm kiểm soát và đảm bảo tiến độ chung là hòa lưới điện trong tháng 4/2020.

- Công tác đầu tư dự án năm 2019 đạt 82% cụ thể
  - Dự án thủy điện Ngòi Phát đạt 95% kế hoạch;
  - Các hạng mục đầu tư phục vụ sản xuất của nhà máy thủy điện Ngòi Phát đạt 49% kế hoạch.

#### 1..3.2 Về lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Được ĐHĐCĐ Thông qua, HĐQT đã tiến hành các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính là Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

#### 1.3.2 Về phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức Của Công ty năm 2019

HĐQT đã thực hiện đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua cụ thể như sau:

- Chi trả cổ tức năm 2019 là 20% : 99.987.920.000 đồng;

- o Đã tạm ứng 10% trong tháng 2/2020 : 49.993.960.000 đồng;
- o Còn phải chi trả trong tháng 8/2020 là 10%: 49.993.960.000 đồng;
- Chi trả thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách : 2.977.741.935 đồng
- Trích quỹ phúc lợi của Công ty : 500.000.000 đồng
- Trích Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành: 500.000.000 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối còn lại : 69.486.529.974 đồng

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty

- Ban Điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ SXKD năm 2019 mặc dù thủy văn năm 2019 khá tiêu cực trên cả nước, tạo ra lợi nhuận sau thuế là 98,6 tỷ đồng (đạt 86,2%) và triển khai dự án thủy điện Ngòi Phát đáp ứng tiến độ. Đánh giá đây là nỗ lực của Ban điều hành Công ty trong việc thực thi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty;
- Công tác quản trị doanh nghiệp của Ban giám đốc công ty ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu của Cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Minh bạch thông tin quản lý của doanh nghiệp thông qua việc công bố thông tin lên thị trường chứng khoán và trang thông tin điện tử của Công ty;

Đánh giá chung năm 2019 Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ của mình, các chỉ số tài chính đều vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tuy nhiên Ban điều hành cần lưu ý một số công việc sau để đảm bảo phát huy tinh thần sáng tạo và hoàn thành kế hoạch năm 2019 đã được nêu trong Báo cáo Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty:

- Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy và vận hành thống nhất từ Công ty đến đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống quản lý được chuẩn hóa và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành xuyên suốt từ Công ty đến đơn vị trực thuộc và các phòng ban, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị, kiện toàn bộ máy của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, đội ngũ vận hành nhà máy đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty đã từng bước tạo dựng được môi trường làm việc dân chủ, khoa học, phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên; định kỳ tổ chức các phiên họp tập trung để thảo luận tình hình kinh doanh và đầu tư, chiến lược phát triển, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu NEDI 2.

## 3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Công ty theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua năm 2019 và định hướng phát triển công ty giai đoạn 2019 – 2023; HĐQT đưa ra định hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2020 như sau:

Định hướng kế hoạch SXKD năm 2020:

1. Vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát an toàn, hiệu quả, tin cậy và tiết kiệm chi phí.
2. Sản lượng điện thương phẩm đạt 406,3 triệu Kwh (bao gồm cả sản lượng nhà máy mở rộng)
3. Doanh thu thuần về bán hàng của Công ty năm 2020 phấn đấu đạt tối thiểu 394 tỷ đồng
4. Lợi nhuận sau thuế 132 tỷ đồng



5. Phần đầu cổ tức chi trả cho cổ đông trên 20%.
6. Tiếp tục làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trường ca, trường kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát và Nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng;
7. HĐQT đề nghị Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty hoàn thành hòa lưới điện Ngòi Phát mở rộng trước 20/4/2020.

Trên đây là báo cáo của HĐQT đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty NEDI2 năm 2019 trình ĐHĐCĐ Công ty.

**Nơi nhận:**

- Quý cổ đông NEDI2 (PV Đại hội);
- HĐQT NEDI2 (để B/c);
- TCT VINACONEX (để B/c);
- Lưu TCHC, KTKH.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Luân Đông*

**DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT - QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 26/2019/QĐ-HĐQT	08/01/2019	Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Đinh Tuấn Anh.
2	Số 90/2019/NQ-HĐQT	13/02/2019	Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
3	Số 91/2019/NQ-HĐQT	14/02/2019	Thông qua chương trình ĐHCĐ nhiệm kỳ 2019 – 2024.
4	Số 01/2019/NQ-ĐHCĐ	11/03/2019	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019.
5	Số 02/2019/QĐ-HĐQT	11/03/2019	Bầu ông Nguyễn Xuân Đông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024.
6	Số 03/2019/NQ-HĐQT	26/04/2019	Phê duyệt chủ trương triển khai hạng mục: Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV thủy điện Ngòi Phát.
7	Số 04A/2019/QĐ-HĐQT	15/05/2019	Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
8	Số 04/2019/NQ-HĐQT	23/05/2019	Phê duyệt dự toán mục: Đường công vụ từ nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng đến mỏ néo M2 và đường tránh mỏ néo m2 phục vụ thi công tuyến đường ống áp lực, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
9	Số 05/2019/NQ-HĐQT	25/05/2019	Phê duyệt dự toán mục: Bê tông bù nền đến cao độ 105,0m hạng mục: Xây dựng và hoàn thiện nhà máy – Gói thầu NP01 dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
10	Số 06/2019/NQ-HĐQT	25/05/2019	Ký văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai dự án thủy điện Ngòi Phát.
11	Số 07/2019/NQ-HĐQT	25/05/2019	Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt toàn bộ các công việc liên quan đến dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
12	Số 08/2019/NQ-HĐQT	06/07/2019	Phê duyệt dự toán mục: Bê tông nhà máy đến cao trình 113m hạng mục: Xây dựng và hoàn thiện nhà máy - Gói thầu NP01, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
13	Số 09/2019/NQ-HĐQT	18/07/2019	Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty.
14	Số 10/2019/NQ-HĐQT	29/07/2019	Phê duyệt dự toán mục: Kiến trúc và kết cấu nhà van thuộc hạng mục: Thi công xây dựng hầm dẫn nước, đường ống áp lực và nhà van – Gói



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
			thầu NP01, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
15	Số 11/2019/NQ-HĐQT	30/07/2019	Phê duyệt dự toán mục: Gia công đường ống áp lực và cửa hạ lưu thuộc hạng mục: đường ống áp lực và Cửa van hạ lưu, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
16	Số 12/2019/NQ-HĐQT	30/07/2019	Phê duyệt dự toán mục: Kết cấu móng, móng đỡ thuộc hạng mục: Thi công xây dựng hầm dẫn nước, đường ống áp lực và nhà van, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
17	Số 13/2019/NQ-HĐQT	20/08/2019	Phê duyệt dự toán mục: Đào và gia cố mái hồ móng đường ống áp lực thuộc hạng mục: Thi công xây dựng hầm dẫn nước, đường ống áp lực và nhà van, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
18	Số 14/2019/NQ-HĐQT	05/09/2019	Phê duyệt dự toán hạng mục công trình: Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110Kv, thủy điện Ngòi Phát.
19	Số 15/2019/NQ-HĐQT	30/09/2019	Phê duyệt dự toán mục: Kết cấu phần hồ nhà máy hạng mục: Xây dựng và hoàn thiện nhà máy – Gói thầu NP01, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
20	Số 16/2019/NQ-HĐQT	16/10/2019	Phê duyệt dự toán mục: Hầm dẫn nước, hạng mục: Thi công xây dựng hầm dẫn nước, đường ống áp lực và nhà van – Gói thầu NP01, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
21	Số 17/2019/NQ-HĐQT	08/11/2019	Phê duyệt dự toán mục: Thiết lập – đo quan trắc biến dạng đường ống áp lực, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
22	Số 18/2019/NQ-HĐQT	08/11/2019	Phê duyệt dự toán mục: Lắp đặt đường ống áp lực chính, chạc 3 và cửa van hạ lưu, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
23	Số 19/2019/NQ-HĐQT	22/11/2019	Thông qua việc thôi giao nhiệm vụ Phó TGD Công ty và chấm dứt HĐLĐ đối với ông Trần Vĩnh Hào.
24	Số 20/2019/NQ-HĐQT	25/11/2019	Phê duyệt giá gói thầu công tác: Lắp đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị cơ điện, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
25	Số 21/2019/NQ-HĐQT	25/11/2019	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV, nhà máy thủy điện Ngòi Phát.
26	Số 22/2019/NQ-HĐQT	20/12/2019	Phê duyệt dự toán mục: Kiến trúc hoàn thiện nhà máy, hạng mục: Xây dựng và hoàn thiện nhà máy, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
27	Số 23/2019/NQ-HĐQT	26/12/2019	Phê duyệt dự toán mục: Hoàn thiện đường ống áp lực và kênh cắt nước đĩnh nhà máy thuộc hạng mục: Thi công xây dựng hầm dẫn nước, đường ống áp lực và nhà van, dự án nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
28	Số 24/2019/NQ-HĐQT	31/12/2019	Phê duyệt chủ trương thanh lý vật tư thu hồi sau khi thực hiện dự án cải tạo đường dây mạch đơn 110kV, nhà máy thủy điện Ngòi Phát.







Hà Nội, ngày 28 tháng 1 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**  
**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2019.

Ban kiểm soát báo cáo trước ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2019 cụ thể như sau:

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019**

**1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

**1. Cơ cấu Tổ chức Ban kiểm soát:**

ĐHĐCĐ năm 2019 đã tiến hành bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024 của công ty. Theo đó thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bao gồm:

- Ông Vũ Văn Mạnh
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang
- Ông Chu Quang Minh

Các thành viên Ban kiểm soát đã thống nhất bầu Ông Vũ Văn Mạnh là Trưởng Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024.

**2. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát đã tiến hành các cuộc họp để đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, thẩm định báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019; Thông qua các Báo cáo/Tờ trình của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2019.
- Đại diện Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT công ty. Trong các cuộc họp, Đại diện Ban kiểm soát thảo luận, tham gia ý kiến với HĐQT và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Trình và đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty;
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của công ty trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;



- Thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2019 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định của pháp luật hiện hành;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của công ty theo các quy định của pháp luật;
- Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

## **II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị họp định kỳ 3 tháng một lần và họp bất thường khi cần thiết theo quy định của Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty. Trong năm 2019 HĐQT đã họp 05 cuộc họp, đã ban hành 28 Nghị quyết, quyết định. Các cuộc họp đều được ghi biên bản. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty
- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:
  - + Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2019
  - + Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 (Ông Nguyễn Xuân Đông) và kiện toàn bộ máy cán bộ chủ chốt của công ty (Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng đối với Ông Đinh Tuấn Anh; thôi giao nhiệm vụ PTGD và chấm dứt HĐLĐ đối với Ông Trần Vĩnh Hào)
  - + Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt nam là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty.
  - + Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Thủy điện Ngòi phát mở rộng và các hạng mục, hợp đồng liên quan đến dự án Thủy điện Ngòi phát mở rộng; chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện đầu tư dự án.
  - + Phê duyệt các nội dung phục vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt.
- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

## **III. Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty**

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, thể hiện:

- Đại diện Ban Kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành công ty. Được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát nhận được các tài liệu, thông tin của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- Ban Kiểm soát được Ban điều hành cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của công ty trong các quý, năm khi có yêu cầu bằng văn bản.



#### IV. Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành

\* Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2019

Năm 2019 Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua (doanh thu đạt 97,66%; LNTT và LNST đạt 86,13%). Trong khi đó chi phí sản xuất kinh doanh đạt 103,48%.

\* Về sản xuất và vận hành nhà máy thủy điện Ngòi phát:

Nhà máy được vận hành cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất. Ban điều hành công ty chỉ đạo làm tốt công tác bảo trì sửa chữa, phòng ngừa rủi ro và xử lý sự cố nhằm đảm bảo các tổ máy luôn sẵn sàng hoạt động. Công ty cũng chú trọng công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão đảm bảo hoạt động của nhà máy được liên tục, an toàn, ổn định.

Tuy nhiên, do đặc thù ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến sản lượng điện làm sản lượng điện thực hiện năm 2019 đạt 359,73 triệu KWH (91% kế hoạch và 118% công suất thiết kế)

Năm 2019, công tác phối hợp và vận hành tốt đã để có giá thị trường tốt, theo đó kết quả doanh thu Thị trường điện vượt 23,2 tỷ đồng so với giá hợp đồng.

\* Tình hình tài chính của công ty

Công ty đã chủ động trích lập nguồn tài chính dự phòng và vay bổ sung vốn lưu động để bù đắp những thiếu hụt tại những thời điểm trong năm nhằm duy trì Công ty hoạt động ổn định liên tục và đảm bảo nguồn tiền trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn quy định.

\* Công tác đầu tư

- Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các dự án cũ như:

- + Dự án Thủy Điện ngòi phát mở rộng: Bám sát tiến độ được phê duyệt, đảm bảo tiến độ hoàn thành công tác xây dựng, lắp đặt thiết bị là ngày 31/3/2020 và phát điện và hòa vào lưới điện Quốc Gia vào 30/4/2020.
- + Dự án xây nhà nghỉ ca CBCNV: dự kiến cuối tháng 2/2020 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng
- + Cải tạo lòng sông và gia cố tường chắn hạ lưu bảo vệ nhà máy: đã hoàn thành và đang lập hồ sơ quyết toán trình CĐT
- + Nâng cấp đường dây 110Kv: dự kiến đầu tháng 3/2020 hoàn thành

- Bên cạnh đó, Ban điều hành công ty cũng chủ động nghiên cứu, tìm hiểu, khảo sát để đầu tư thêm các dự án thủy điện tiềm năng ở các tỉnh, báo cáo HĐQT xem xét thực hiện, tuy nhiên chưa có dự án khả thi để thực hiện.

#### V. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019

- Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; Được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Đây là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán Công ty niêm yết).
- Ý kiến của Công ty kiểm toán Deloitte: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

1552  
TY CP  
Ư VÀ  
ĐIỆN  
BẮC 2  
T. LAO

- Vấn đề cần nhấn mạnh trong BCTC 2019 được kiểm toán: đơn vị kiểm toán lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh BCTC, trong đó trình bày về việc thay đổi ước tính kế toán liên quan đến thời gian sử dụng của tài sản cố định của Công ty. Cụ thể, trong năm 2019, Công ty đã thực hiện đánh giá và thay đổi thời gian khấu hao các TSCĐ để phù hợp với thời gian sử dụng của TSCĐ. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm 2019 tăng khoảng 11,9 tỷ đồng so với việc áp dụng thời gian khấu hao như các năm trước.
- Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.
- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	TH 2019/2018 (%)
1. Doanh thu	387,9	350,9	99,20%
2. Lợi nhuận trước thuế	130,1	103,8	99,20%
3. Lợi nhuận sau thuế	123,5	98,6	99,20%

- + Tiền và các khoản tương đương tiền là 69,4 tỷ đồng
- + Phải thu ngắn hạn khách hàng là 15,68 tỷ đồng, chủ yếu là khoản phải thu của Công ty mua bán điện (Tiền bán điện thương phẩm được thu theo kỳ hàng tháng).
- + Tài sản cố định hữu hình được công ty trích khấu hao lũy kế đến 31/12/2019 là 365,078 tỷ đồng
- + Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 109,1 tỷ đồng tăng 95,48 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu từ thực hiện dự án Ngòi phát mở rộng. Ngoài ra trong năm công ty cũng tiếp tục thực hiện dự án Khu nhà nghỉ ca CBCNV nhà máy, dự án Thanh Thái lòng sông và gia cố hạ lưu nhà máy. Triển khai thực hiện thêm dự án nâng cao khả năng truyền tải điện và sửa chữa lớn TSCĐ.
- + Dư nợ vay 1.159,38 tỷ đồng, gồm: vay ngắn hạn 8,45 tỷ đồng; vay dài hạn 1.150,93 tỷ đồng (dự án Ngòi Phát 1.075,05 tỷ đồng, trong đó đến hạn trả trong 12 tháng là 86,2 tỷ đồng; Ngòi phát mở rộng 75,87 tỷ đồng). Các khoản vay đều được Công ty trả nợ đúng hạn.

## VI. Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019

Công ty thực hiện tuân thủ các nội dung được ĐHĐCĐ thường niên các năm trong nhiệm kỳ vừa qua. Cụ thể:

### 1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	KH	TH	%TH/KH
Sản lượng điện thương phẩm	Tr.KWh	395,4	359,7	90,97
Doanh thu	Tỷ đồng	359,30	350,9	97,66
Chi phí	Tỷ đồng	238,79	247,1	103,48
LNTT	Tỷ đồng	120,51	103,8	86,13
LN sau thuế	Tỷ đồng	114,48	98,6	86,13
Cổ tức	%	20	Dự kiến 20	100

Như vậy, năm 2019 Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua (doanh thu đạt 97,66%; LNTT và LNST đạt



86,13%). Chi phí sản xuất kinh doanh 103,48% kế hoạch (tăng 8,31 tỷ, trong đó khấu hao tăng 8,84 tỷ đồng, khoản mục khác giảm 0,53 tỷ đồng).

Nguyên nhân: Do điều kiện thủy văn năm 2019 không thuận lợi, lưu lượng về hồ Ngòi Phát thấp nên Công ty không đạt kế hoạch sản lượng điện và doanh thu, đồng thời tháng 12/2018 mới có quyết định phê duyệt chính thức quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát nên Công ty tiến hành thực hiện phân bổ lại chi phí khấu hao dẫn đến chi phí khấu hao tăng so với kế hoạch 8,84 tỷ đồng.

## 2. Các nội dung khác

Các nội dung khác được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng được công ty thực hiện đúng quy định:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC bán niên và cả năm (công ty lựa chọn Công ty Deloitte)
- Trích và chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2019
- Về nội dung ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT quyết định phê duyệt các dự án đầu tư hoặc các vấn đề liên quan đến công tác chuẩn bị thực hiện dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty: Trong năm không phát sinh.

## VII. Kiến nghị:

Ban Kiểm soát kiến nghị:

- Ban Điều hành tiếp tục tổ chức vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát; tiếp tục tiết kiệm, tối ưu chi phí sản xuất kinh doanh.
- Hoàn thành các dự án đầu tư theo đúng tiến độ được phê duyệt; thực hiện thi công dự án Thủy điện Ngòi Phát mở rộng đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hệ thống; sớm thực hiện quyết toán dự án sau khi hoàn thành đầu tư.
- Tiếp tục tập trung tìm kiếm, nghiên cứu các dự án về lĩnh vực năng lượng có hiệu quả để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

TM. Ban Kiểm soát Công ty  
Trưởng Ban



Vũ Văn Mạnh

Số: 145A/2020/BC-HĐQT

Lào Cai, ngày 02 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO

(VV: CHI TRẢ TIỀN THÙ LAO CHO THÀNH VIÊN HĐQT – BKS  
CÔNG TY NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ NĂM 2020)

Kính gửi:

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

- Căn cứ Điều 27 và Điều 33 của Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 quy định mức phụ cấp thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát do HĐQT công ty trình Đại hội cổ đông thường niên quyết định;
- Căn cứ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;  
Hội đồng Quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua: Chi phí chế độ thù lao cho thành viên HĐQT & BKS năm 2019 và phương án chi trả năm 2020 đối với các thành viên HĐQT và BKS Công ty bao gồm:

#### I- Tiền thù lao chi cho HĐQT - BKS năm 2019: (đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2019)

- Chủ tịch HĐQT : 50.000.000đ/tháng.
- Thành viên HĐQT : 35.000.000đ/tháng.
- Trưởng ban kiểm soát : 35.000.000đ/tháng.
- Thành viên BKS : 15.000.000đ/tháng.

Tổng mức chi đối với thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách:

ST T	Chức danh	Số người	Tổng chi năm (2018)	
			Tiền thù lao	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	600.000.000	
2	Thành viên HĐQT	04	1.597.741.935	(Từ 01/01/2019 đến 10/3/2019 có 03 thành viên HĐQT)
3	Trưởng ban Kiểm soát	01	420.000.000	
4	Thành viên ban Kiểm soát	02	360.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>08</b>	<b>2.977.741.935</b>	

Tổng cộng : 2.977.741.935 đồng.

#### II- Phương án chi trả tiền thù lao cho HĐQT - BKS năm 2020:

- Chủ tịch HĐQT : 50.000.000đ/tháng.
- Thành viên HĐQT : 35.000.000đ/tháng.
- Trưởng ban kiểm soát : 35.000.000đ/tháng.
- Thành viên BKS : 15.000.000đ/tháng.

Tổng mức chi đối với thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách (Dự kiến):

STT	Chức danh	Số người	Tổng chi năm (2020)	
			Tiền thù lao	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	600.000.000	



2	Thành viên HĐQT	04	1.680.000.000	
3	Trưởng ban Kiểm soát	01	420.000.000	
4	Thành viên ban Kiểm soát	02	360.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>08</b>	<b>3.060.000.000</b>	

**Tổng cộng : 3.060.000.000 đồng.**

Công ty thực hiện chi trả các chế độ trên cho các thành viên HĐQT, BKS theo hàng Quý trong năm 2020;

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án trên./.**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Xuân Đông*

Số 145 /2020-TTr-HĐQT  
V/v: Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lào Cai, ngày 2 tháng 03 năm 2020

## TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Theo báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 98.603.179.535 đồng. Căn cứ các quy định, điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nguồn chi</b>	<b>173,452,191,909</b>	
01	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 chuyển sang	74,849,012,374	
02	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	98,603,179,535	
<b>II</b>	<b>Các khoản chi</b>	<b>103,965,661,935</b>	
01	Chi cổ tức 20% cho các cổ đông theo đúng KHSXKD 2019 đã được ĐHCĐ 2019 thông qua	99,987,920,000	
	Trong đó:		
	- Đã tạm ứng 10% trong tháng 02/2020	49,993,960,000	
	- Còn phải chi trả 10% trong tháng 8/2020	49,993,960,000	
02	Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách	2,977,741,935	
03	Trích quỹ phúc lợi Công ty	500,000,000	
04	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành	500,000,000	
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối còn lại</b>	<b>69,486,529,974</b>	

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua phương án phân phối lợi nhuận trên

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKH

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Luân Đông





CÔNG TY CP ĐT&PT ĐIỆN MB 2  
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

*“V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển điện Miền Bắc 2”*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển điện Miền Bắc 2;
- Căn cứ kết quả thẩm tra của Ban Kiểm soát về công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty;

Ban kiểm soát công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua:

1. Danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn một Công ty thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một Công ty trong danh sách trên thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
Trưởng Ban

**Vũ Văn Mạnh**